

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 6

Phẩm thứ nhất: THẾ CHỦ DIỆU NGHIÊM

(Từ quyển thứ 2 đến hết quyển thứ 5).

7) Từ đây trở xuống là toàn văn thuộc phần ca ngợi về đức, cũng là Tựa Phát Khởi, trong văn có ba: Một: Tổng quát kết luận về oai nghi an trú; Hai: Từ “Thử chư chúng...” trở xuống là tổng quát hiển bày về nhân duyên của đức hạnh; Ba: Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt trình bày về đạt được pháp-ca ngợi Phật.

Trong phần một có ba: Đầu là kết luận về chúng tụ tập; tiếp là trình bày về tướng khác nhau; sau là hiển bày về ý giống nhau.

Đầu là kết luận về chúng tụ tập: Số lượng nhiều-đức sâu xa cho nên gọi là Chúng hải. Khởi lên từ Địa của mình, tụ tập trên bầu trời nơi Đạo tràng, đa số là thân lớn, giống như mây trùng trùng vô ngại. Lại mây trôi thì vô tâm, rỗng gắm lên là xuất hiện; Bội-tát thì vô trú, Phật xuất hiện ở đâu liền đến nơi đó.

Tiếp từ “Vô biên...” trở xuống là trình bày về tướng khác nhau: Không những nêu ra phía trên, cho nên nói là Vô biên phẩm loại; vòng quanh không trống rỗng, cho nên nói là đầy khắp bốn phía. Hình hài lớn-nhỏ..., sắc tướng đẹp-xấu..., Bộ chủ-tùy từng đều có phân chia, cho nên nói là sai biệt.

Sau từ “Tùy sở...” trở xuống là hiển bày về ý giống nhau: Tùy theo phương đã đến tham dự mà không xen tạp, đều được thấy Phật, đều thấy Phật ở trước mắt mình, giống như trăm sông, tất cả đều nhìn thấy vầng trăng, như nhau không có niệm gì khác, cho nên nói là một tâm. Chăm chú ngắm nhìn, kính trọng vâng theo, ngược nhìn mà lại ngưỡng mộ. Không những thẳng thắn nhìn thấy thân tượng sáu, mà còn rõ ràng thấy được thân mây pháp giới.

Phần hai là tổng quát hiển bày về nhân duyên của đức hạnh: Bởi vì trong phần nêu ra trên đây tùy theo thích hợp mà riêng biệt ca ngợi, nay mới tổng quát hiển bày về đức hạnh đầy đủ như nhau.

Phần ba từ “Hựu dữ...” trở xuống là riêng biệt trình bày về đạt được pháp môn mà vốn là tổng quát: Trong chúng Đồng sinh trước đây cùng nhau tích tập thiện căn, vốn cũng là riêng biệt. Lại cùng nhau tích tập trước đây là trình bày về nguyên cơ của chủ-bạn, nay đã từng thấu nhiếp tiếp nhận là hiển bày về nguyên cơ của quyến thuộc, phỏng theo tóm lược văn ấy. Văn này nhiều xu thế, tạm thời phân làm ba: 1. Trình bày về lìa chướng ngại-thấy thanh tịnh; 2. Từ “Như thị...” trở xuống là tiếp nhận giáo hóa gốc rễ sâu xa; 3. Từ “Chủng vô lượng...” trở xuống là đức hạnh tròn vẹn đầy đủ. Phần 1-3 là nhân, phần 2 là duyên. Bởi vì nhân làm mất duyên, cho nên Đại chúng tự mình nhìn thấy; bởi vì duyên làm mất nhân, cho nên Phật lực khiến cho nhìn thấy. Nhân và duyên hòa hợp, thì không xác định thân-sơ, cho nên nhân duyên tách ra mà nói. Lại phần đầu thì đức hạnh hiện tại sâu xa, hai phần sau thì nhân duyên vốn có từ lâu xa thấu nhiếp, nay nhìn thấy tức là duyên trở thành nhân, cảm ứng qua lại cho nên thường ở trong pháp hội của Phật.

1) Trình bày về lìa chướng ngại-thấy thanh tịnh: Phiền não tức là Phiền não chướng. Tâm cấu nhiễm tức là Sở tri chướng. Chướng này che kín tâm mà làm mê muội sự nhận biết.

Nói tất cả, nghĩa là Câu sinh phân biệt, hoặc là chủng tử, hoặc là hiện hành.

Nói tập khí còn sót lại, là phần tập khí thô nặng của hai chướng ngại, thô nặng như Tát-lăng thượng mạn, Ca-diếp bất an, nay đều là Bồ-tát ở phần vị cuối cùng, Trí hiện rõ-Tinh dứt sạch, chứng Lý-đạt Sự, gương tâm trong sáng long lanh, cho nên nói là đã lìa xa. Nếu các phần vị viên dung, một đoạn trừ thì tất cả đoạn trừ, cũng bao gồm phần vị thứ nhất.

Nói phá tan núi chướng ngại sâu nặng, là tổng quát dùng Dụ để hiển bày, bởi vì đạo có thể phá tan thì phá tan núi của hai chướng ngại, Thể của chướng ngại kiên cố sâu dày, cao vút như núi. Vả lại, riêng biệt thì Trí chướng ngại cho Bồ-đề, Hoặc chướng ngại cho Viên tịch; tổng quát thì cùng chướng ngại đến tất cả Phật pháp, cho nên nói là sâu nặng.

Nói thấy Phật vô ngại, là quả thuộc đoạn trừ chướng ngại. Nhưng có hai nghĩa: a) Dựa vào chủ động nhìn thấy để trình bày về Vô ngại, bởi vì đoạn trừ hai chướng ngại là Trí sáng tỏ-Lý hiển bày, Lý hiển bày

cho nên nhìn thấy thân Pháp tánh, Trí sáng tỏ cho nên nhìn thấy thân Phật trí. Lý và Trí sâu xa như nhau mà nhìn thấy thân Vô ngại, Vô ngại cũng chính là Niết-bàn. b) Dựa theo thụ động nhìn thấy để trình bày về Vô ngại, là đầy đủ mười Vô ngại đã nói như trên.

2) Từ “Như thị...” trở xuống là tiếp nhận giáo hóa gốc rễ sâu xa, trong đó: Đầu là tổng quát; sau là riêng biệt.

Trong phần đầu là tổng quát: Như thị, là chỉ cho Chúng đoạn trừ chướng ngại trước đây. Kiếp hải, là trình bày về thâm nhiếp thời gian rộng lớn xa xôi. Tứ nhiếp, tức là phương tiện thâm nhiếp giáo hóa, đó là Bố thí-Ái ngữ-Lợi hành và Đồng sự. Bố thí là thâm nhiếp về Duyên, bởi vì qua lại giúp đỡ duy trì cho người. Ái ngữ là thâm nhiếp về Thể, bởi vì đích thực nêu rõ tổn hại và lợi ích. Lợi hành là thâm nhiếp về Xứ, bởi vì an trú nơi chốn của pháp thiện. Đồng sự là giải thích chỗ khó hiểu, bởi vì khiến cho người quyết định.

Sau từ “Nhất nhất...” trở xuống là riêng biệt nêu ra tướng của thâm nhiếp, trong đó: Trước đây nói Kiếp hải đã từng thâm nhiếp, là thâm nhiếp ở nơi nào? Đó là tất cả trú xứ của Phật. Thâm nhiếp ở thời gian nào? Từ lúc gieo trồng thiện căn. Dùng pháp nào để thâm nhiếp? Đó là các loại phương tiện. Tướng thâm nhiếp thế nào? Đó là giáo hóa thành thực. Giáo hóa là dựa theo bắt đầu thành thực, dựa vào cuối cùng thâm nhiếp thì ý thế nào? Khiến cho an trú vững vàng nơi đạo Nhất thiết trí. Đạo là nhân, nghĩa là tu nhân của Phật chỉ vì quả vị Phật mà thôi.

3) Từ “Chúng vô lượng...” trở xuống là đức hạnh tròn vẹn đầy đủ, trước đây thâm nhiếp lợi ích gì, làm cho đức tròn vẹn? Trong đó: Trước là phân rõ về nhân tròn vẹn; sau là hòa vào quả hải.

Văn phần trước có năm câu: Một: Gieo trồng vô lượng pháp thiện, là đã vượt lên trên Địa thứ bảy, cho nên thiện căn thù thắng. Hai: Từ “Tất dĩ...” trở xuống, là đã vượt lên trên Địa thứ tám, cho nên đầy đủ Đại nguyện. Ba: Từ “Sở hành...” trở xuống, là đã vượt lên trên Địa thứ mười, cho nên hành đầy đủ-chướng ngại không còn. Bốn: Từ “U xuất ly...” trở xuống, là trước đây trình bày về đức tròn vẹn, ở đây đầy đủ Đạo xuất thế, một Đạo là vô lượng Đạo, đã vượt lên trên sinh tử, không trú vào Niết-bàn, cho nên nói là khéo léo vượt ra. Năm: Từ “Thường kiến...” trở xuống, là kết luận về được thấy Phật, nghĩa là đức cao vượt Thập Địa, vì vậy mà thường thấy, không phải Tỷ lượng mà thấy, cho nên nói là phân minh, không giữ lấy sắc tướng gọi là chiếu rọi rõ ràng. Lại nữa, hạt bụi-mảy lông, vô lượng thế giới, Phật trùng trùng khắp nơi, có đức thì nhìn thấy, gọi là chiếu rọi rõ ràng phân minh.

Phần sau từ “Dĩ thắng giải lực...” trở xuống là hòa vào quả hải. Một đoạn văn này hướng về trước là riêng biệt, bởi vì trong đức đầy đủ toàn bộ mà riêng biệt hòa vào quả; hướng về sau là tổng quát, bởi vì trong bốn mươi Chúng thì giải thoát là cao nhất.

Nay còn thuộc về phần trước, trong đó có hai: a) Nướng theo nhân mà hòa vào quả, là nhận biết do Tỷ trí. Như thấy chim Loan bay lượn thì nhận biết bầu trời thật là mênh mông, nhìn Rồng nhảy vọt thì nhận biết biển lớn thật là bao la. Nghĩa là bởi vì lực của Thắng giải thật là phù hợp với lời Phật, cho nên nhận biết phước đức là sâu xa; bởi vì lực của Tín giải nướng nhờ đầy đủ vào sự giáo hóa của Phật, cho nên nhận biết Từ Bi là rộng lớn, chính là hòa vào biển rộng công đức của Như Lai, cũng chính là Thắng giải phù hợp mà duy trì quả đức. b) Từ “Đắc ư...” trở xuống là trình bày về Dụng của quả đạt được từng phần. Nói về Giải thoát môn, quả Phật không còn chướng ngại, Đại Dụng vô ngại, cho nên gọi là Giải thoát. Chân giải thoát, tức là Trí tuệ thông suốt của Như Lai, thường xuyên tiến vào cho nên gọi là Môn. Chúng đều chứng được phù hợp cho nên gọi là Đắc. Giải thoát này tức là Môn, Phật đạt được toàn bộ pháp ấy, Chúng hải đạt được khác nhau. Lại pháp Giải thoát của Phật chỉ gọi là Giải thoát, pháp mà Chúng đã đạt được thì gọi đó là Môn. Bởi vì có thể thông suốt hòa vào Dụng của quả ấy, cho nên Giải thoát này là Môn. Lại pháp mà Chúng đã đạt được, lìa xa chướng ngại tự tại gọi là Giải thoát, nơi mà Trí đã tiến vào cũng gọi là Môn. Dùng nhân của Giải thoát để tiến vào quả của Giải thoát, cũng gọi là Môn, Giải thoát này tức là Môn. Nhưng tổng quát-riêng biệt viên dung, nhân-quả thấu suốt lẫn nhau, trùng trùng vô ngại mới là Chân giải thoát môn, cho nên ở văn sau có nơi ca ngợi về đức của quả Phật, có nơi ca ngợi về hành của nhân, có nơi dựa theo pháp của chư Thiên... đã đạt được mà phỏng theo hiển bày. Vì vậy tiếp theo phần Du hý thần thông, là chính thức trình bày về tướng của tiến vào. Du hý là xuất-nhập tự tại, Thần thông là khó lường bởi vì không có gì che lấp. Dựa theo Quán tâm, thì Tâm và Cảnh vô ngại, cho nên gọi là Giải thoát; từ đây tiến vào Lý, cho nên gọi là Môn. Nếu dùng Môn làm Môn thì không phải là đã có thể thông suốt. Môn tức là Như Thật, do đâu mà thông suốt? Đích thực tiến vào thì cả hai đã không còn, là Chân Môn. Như vậy tiến vào thì Bản giác trong suốt gọi là tận cùng quả hải, Chân không phải ở ngoài Vọng thì nhân-quả viên dung, Tâm-Cảnh không có bến bờ thì Giải thoát không có ranh giới.

Kế Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt trình bày về đạt được

pháp-ca ngợi Phật. Trong bốn mươi Chúng, đều trước là Trường hàng trình bày về đạt được pháp, tức là người kết tập kinh điển (Kinh gia) nêu ra theo thứ tự; sau là Thuyết kệ ca ngợi, tức là lúc bấy giờ đã bày tỏ. Nhưng Đại chúng quy tụ nói kệ ca ngợi đều ở cùng một thời gian, vẫn không ghi chép nhiều cho nên sắp xếp mà đưa ra theo thứ tự. Mà đều đạt được như nhau, là hiển bày về đức vô tận của Phật, bởi vì Thừa riêng biệt mà tiến vào thì tổng quát, cho nên tất cả Đại chúng không thể nào đạt tới được. Vì vậy Hải Tuệ nói: “Cảnh giới của Như Lai không có biên giới, đều tùy theo giải thoát có thể nhìn thấy.” Nhưng mà Phổ Hiền đạt được mười, vốn là hiển bày về vô tận giống như Phật. Trong văn có hai: Trước là chúng Dị sinh; sau là chúng Đồng sinh.

Trong phần trước có ba: Đầu là chư Thiên, tiếp là Bát Bộ, sau là các Thần.

Phần đầu phân hai: 1. Chư Thiên cõi Sắc; 2. Chư Thiên cõi Dục.

- **Trong phần 1:** Chư Thiên cõi Sắc, có năm:

Một- *Tự Tại Thiên:*

Phần một là Trường hàng trình bày về mười pháp:

Một: Pháp giới..., tức là Giải thoát thuộc về Pháp thân. Hư không giới của Pháp giới tức là Dụng, Không ở khắp mọi nơi tức là Sự Không.

Nói đến Pháp giới thì nghĩa bao gồm Sự-Lý, nghĩa là không những Không khắp nơi, mà cũng là Sự như sắc-tâm... trong Không khắp nơi, và Không-Hữu phù hợp với Lý của Chân. Lại chỉ nói về Không thì đó là một lớp khắp nơi, nay nói đến Pháp giới thì lớp lớp đều khắp nơi. Vì sao như vậy? Nghĩa là Không giới tiếp nhận tất cả Trần xứ và sự vật của nơi ấy, bởi vì trong mỗi một Trần đều phù hợp với Chân; đều có Vô biên Sát hải, cho nên Đại Dụng của thân Phật thấy đều đầy đủ. Vì vậy tụng sau nói là Vô cùng tận.

Nói đến Tịch tĩnh là nói về Thể. Nhưng có hai nghĩa: 1- Trình bày về Đại Dụng trước đây, Dụng không có tướng của Dụng, không ngăn ngại mà luôn luôn vắng lặng; 2- Bởi vì Dụng của Trí này tức là vắng lặng giống như Chân, tùy theo mỗi một Dụng mà rộng khắp tất cả mọi nơi.

Nói đến Phương tiện là nói về Dụng. Cũng có hai nghĩa: 1- Trình bày về vắng lặng không có tướng của vắng lặng, cho nên không ngăn ngại Đại Dụng; 2- Bên trong đều là Chân tánh, không ngăn ngại bên ngoài ứng với căn cơ chúng sinh, cho nên nói là phương tiện, Tịch và Dụng vô ngại cho nên gọi là Lực.

Hai: Quán sát rộng khắp tất cả các pháp đều tự tại, là Giải thoát thuộc về Trí thân. Ở đây có ba nghĩa: 1- Bởi vì mắt rộng khắp đối với tất cả các pháp, cho nên tất cả đều có thể quán sát; 2- Quán sát tất cả các pháp không hủy hoại Sự mà đều là Lý; 3- Ở trong một pháp nhìn thấy tất cả mà không ngăn ngại, đều gọi là tự tại.

Ba: Nhận biết tất cả pháp không sinh..., là Giải thoát thuộc về Tự tướng-Cộng tướng. Cũng có hai nghĩa: 1- Nhận biết về không sinh... là bên trong chứng được Chân lý; 2- Hành không có dụng công là bên ngoài ứng với căn cơ chúng sinh. Nhưng không sinh... là Thể của pháp Phật, giải thích có nhiều môn, sơ lược trình bày đôi điều.

A- RIÊNG BIỆT GIẢI THÍCH: Bởi vì không sinh-diệt là dựa theo cảnh, không đến-đi là dựa theo hành.

Thứ nhất: Không sinh-diệt, sơ lược có năm nghĩa: 1- Dựa vào Biến kế, bởi vì là vọng chấp, cho nên không pháp nào có thể sinh-diệt. Lại tình có tức là lý không có, cho nên không sinh; lý không có tức là tình có, cho nên không diệt. Không diệt-không sinh là một pháp. Lại cầu tướng của Biến kế không thể có được, cho nên không sinh; có thể hiển bày về tánh của Vô tướng, cho nên không diệt. Không diệt thì không sinh, cũng là một pháp. 2- Dựa vào tánh Duyên khởi, nghĩa là pháp không có tự Thể, nhờ vào duyên mà phát khởi, tức là sinh mà không có sinh; bởi vì gốc đã không sinh, cho nên không có gì đáng diệt. Lại duyên khởi không có tánh, cho nên không sinh; không có tánh duyên khởi, cho nên không diệt. Trung Luận nói: “Bởi vì có nghĩa về Không, cho nên tất cả các pháp có thể thành tự.” Vì thế cho nên không sinh thì không diệt, không diệt thì không sinh, là một pháp. Lại suy ra duyên không có khởi lên, cho nên không sinh; có thể hiển bày về tánh của Vô sinh, cho nên không diệt. 3- Dựa theo tánh Viên thành, nghĩa là bởi vì không phải là hữu vi, cho nên không có tướng sinh diệt của hữu vi. Lại không phải cảnh thuộc vọng tâm, cho nên không sinh; do Thánh trí mà chứng, cho nên không diệt. Vả lại, Thể không phải là chuyển biến, cho nên không sinh; tùy duyên khiến cho pháp khởi lên, cho nên không diệt. Không diệt thì không sinh, là một pháp. 4- Tổng quát dựa vào ba tánh dung hòa lẫn nhau, ở trên một pháp, dựa vào Biến kế cho nên không sinh, dựa vào Viên thành cho nên không diệt, dựa vào Y tha cho nên cũng không sinh-cũng không diệt, dựa vào ba Vô tánh cho nên không phải không sinh-không phải không diệt. 5- Nhưng bốn câu này hợp lại làm một Tự, viên dung vô ngại, ngừng lại suy nghĩ có thể thấy rõ.

Thứ hai: Không đến-không đi: Dựa theo hành, nghĩa là Chánh trí

rời bỏ Vọng chấp mà không đi, hướng về chứng được Chân lý mà không đến. Lại dựa vào Thể khởi Dụng mà không đi, ứng với căn cơ hiện rõ trước mắt mà không đến. Lại hướng đến ứng với căn cơ chúng sinh mà không đi, luôn luôn quay về tịch diệt mà không đến. Không đến tức là không đi, không hai là cùng một vị. Bởi vì Đại Trí này Vô niệm mà ứng cơ, như ngọc Ma-ni và trống trời không suy nghĩ mà thành tựu sự việc, cho nên nói là hành không có dụng công.

B- TỔNG QUÁT GIẢI THÍCH: Không sinh-không diệt cũng có thể dựa theo hành, không đến-không đi cũng có thể dựa theo cảnh, nghĩa là vọng niệm thì vắng lặng giống như hư không, cái gì sinh-cái gì diệt? Lại tuy khởi lên Đại Dụng mà thấy tâm không có sinh, Dụng lại tàn quay về vắng lặng rõ ràng vốn không có diệt. Lại luôn luôn phù hợp Chân lý thì vắng lặng soi chiếu ở trong tâm, ở trong tâm này có cái gì sinh-diệt? Đây là dựa theo hành để giải thích về khôngsinh-diệt. Dựa theo cảnh để giải thích về không đến-đi, giống như hoa đốm giữa hư không, không có thể đến-đi. Lại duyên hội tụ thì đến, đến không có nơi bắt đầu, cho nên không có đến; duyên lại tàn mà đi, đi không có nơi nào đến, cho nên không có đi. Lại các pháp tức là Như, Như thì lẽ nào có đến-đi?

C- LẦN LƯỢT CHUYỂN TIẾP GIẢI THÍCH: Lại vì sao không sinh-diệt? Bởi vì không có đến-đi. Vì sao không đến-đi? Bởi vì không có sinh-diệt. Lại đã không có đến-đi, thì không phải một-không phải khác; không sinh-không diệt, thì không có Đoạn-không có Thường. Trí phù hợp với Lý trước đây cho nên không có dụng công, không ngăn ngại sinh... cho nên nói là hành. Vậy thì không sinh mà sinh, sinh mà không sinh, bởi vì không có dụng công, bởi vì hành thường vắng lặng. Thường Dụng và Tịch Dụng không hai, là đạt được giải thoát đối với công dụng. Đây là điểm quan trọng của Chánh pháp, ý vị-nghĩa lý khó tận cùng, vẫn tuy nhiều mà không có thỏa mãn.

Bốn: Hiện tại nhìn thấy tất cả các pháp..., là Giải thoát thuộc về Quán nghĩa. Nói đến hiện tại nhìn thấy là chọn lấy so sánh mà nhận biết. Nói về Tướng chân thật, sơ lược có ba nghĩa: 1- Dùng Trí quán sát Sự thật, Sự vốn không hư giả, vì vậy văn sau kinh nói: Quán sát pháp hữu vi vốn như Thật tướng. 2- Dùng Tuệ quán sát Lý thật, đó gọi là Vô tướng, Vô tướng không phải tướng, gọi là Thật tướng. 3- Dùng Trí vô ngại để nhận biết về Thật không hai, tận cùng Thật cho nên sâu xa, không còn giới hạn cho nên rộng lớn, gọi là biển Trí tuệ. Không ràng buộc vì tướng là Giải thoát môn.

Năm: Giúp cho chúng sinh..., là Giải thoát thuộc về chướng ngại của Tỳ. Là xa những sợ hãi nguy hiểm nói là An, thân tâm vui thích là Lạc. Nhìn thấy Phật thì đạt được hai lợi ích cho nên An Lạc. Phiền não không sinh khởi cho nên đạt được Định. Đức của Phật khó suy nghĩ cho nên ưa thích. Định vô biên này là Đại phương tiện.

Sáu: Khiến cho quán sát..., là Giải thoát thuộc về chướng ngại của Bi. Chúng sinh ngu si cho nên tạo nghiệp, tạo nghiệp cho nên nhận chịu khổ đau. Tối tăm cho nên không nhìn thấy vị lai, không nhìn thấy vị lai thì điên đảo sa đọa. Vì vậy nỗi sợ hãi lớn nhất không có gì vượt qua ngu si. Khiến cho quán sát nguồn gốc vắng lặng thì tướng ngu si vốn trống rỗng, hãy còn không tạo ra điều thiện, lẽ nào thích hợp làm điều ác hay sao?

Bảy: Khéo léo tiến vào..., là Giải thoát thuộc về Nghiệp chướng. Phật hiện khắp mười phương là cảnh vô biên, hiểu rõ không có tánh dựa vào gọi là khéo léo tiến vào, hãy còn không dựa vào Phật thì lẽ nào tạo ra nghiệp suy nghĩ?

Tám: Đến khắp nơi mười phương..., tức là Giải thoát môn thuộc về Vô tướng. Tuy thân ứng hiện khắp mười phương mà vắng lặng không lay động, Trí thuyết giảng các pháp mà sợ rằng như vậy không có nương tựa, không giữ lấy tướng, bởi vì Như Như bất động.

Chín: Tiến vào Phật..., tức là Giải thoát thuộc về Danh tướng. Trí của Phật phù hợp với Như, gọi là tiến vào cảnh vắng lặng, vắng lặng mà có thể thích ứng, cho nên Thân-Trí phát ra ánh sáng rộng khắp tất cả mười phương. Lại khiến cho chúng sinh tiến vào Vô tướng vốn là Tĩnh, Vô danh vốn là Tịch.

Mười: Trong này tên gọi của Thiên Vương, có phần nào trái ngược so với trong phần nêu ra trước đây, trước gọi là Cực Tinh Tiến, ở đây gọi là Xưng Quang. Các văn trước-sau có nhiều trái ngược này, hoặc là nghĩa giữ lại mà tên gọi khác nhau, hoặc mở rộng-tóm lược xen lẫn khác nhau, đều là người dịch không khéo léo thông hiểu mà thôi.

Pháp môn gọi là Tự Trú..., Giải thoát môn này lìa xa Tướng của hai Thủ, có thể làm lợi ích cho mình và người. Nơi tự mình giác ngộ, tức là lìa xa chủ động giác ngộ-thụ động giác ngộ (Giác-Sở giác), Thánh trí tự giác ngộ thường hiện rõ trước mắt. Mà bởi vì vô biên, nghĩa là duyên với vô biên pháp giới, hóa độ vô biên chúng sinh, đạt được Bồ-đề rộng lớn.

- **Trong phần hai:** Thượng thủ nói kệ, có hai: Trước là làm sáng tỏ về nghi thức nói kệ; sau là trình bày về chính thức nói kệ.

Phần trước là làm sáng tỏ về nghi thức nói kệ: Diễm Hải là vị Thượng thủ của chúng cõi trời này, nương vào Phật lực vì Thiên chúng mà nói rõ tâm. Luận Thập Địa nói: “Nương theo Phật lực là hiển bày không có Ngã mạn, quán sát khắp nơi mười phương là nêu rõ không có tâm thiên vị.” Nay quán sát Thiên chúng của mình thì mở rộng và giới hạn có chút khác nhau mà thôi.

Nhưng về tụng thì tổng quát có bốn loại: 1- Gọi là A-nậu Suất-đổ-ba Tụng, loại này không hỏi đến Trường hàng và Kệ, chỉ số chữ đầy đủ 32 chữ, thì làm một kệ. 2- Gọi là Già-đà, Trung Hoa nói là Phúng Tụng; hoặc gọi là Bất Tụng Tụng, bởi vì không tụng về Trường hàng; hoặc gọi là Trục Tụng, nghĩa là bởi vì trục tiếp dùng kệ để thuyết pháp. 3- Gọi là Kỳ-dạ, Trung Hoa nói là Ứng Tụng. 4- Gọi là Ốt-đà-nam, Trung Hoa nói là Tập Thí Tụng, nghĩa là dùng ít chữ mà thâm nhiếp tập hợp nhiều nghĩa, giúp cho người khác tụng trì. Nay ở đây tức là Tụng thuộc Già-đà. Sau đều dựa theo đây.

Bởi vì ý gì mà kinh phần nhiều đưa ra tụng? Sơ lược có tám nghĩa: 1- Bởi vì ít chữ mà thâm nhiếp nhiều nghĩa; 2- Bởi vì những người ca ngợi phần nhiều là dùng kệ tụng; 3- Bởi vì căn thuần thực nói lại; 4- Bởi vì người đến sau; 5- Bởi vì tùy theo ý thích; 6- Bởi vì dễ dàng thọ trì; 7- Bởi vì thêm sáng tỏ về điều thuyết giảng trước đây; 8- Bởi vì phần Trường hàng chưa nói. Nay ở đây đích thực chỉ là hai nghĩa trước gồm đủ hai nghĩa 5-6.

Trong phần sau là chính thức nói kệ: Mười kệ theo thứ tự, đều kết tập về một pháp môn, lấy đây để làm Trường hàng, chứ không phải là phần trước của tụng này. Nhưng trong này, Trường hàng và Kệ có nhiều điểm không giống nhau, nghĩa là chữ trong Kệ thì cố định, chữ trong Trường hàng thì nhiều ít không giống nhau, mà Trường hàng thì dựa theo pháp đạt được của chư Thiên, trong Kệ thì đều là ca ngợi Đức Phật, điều này là tất nhiên. Nếu hai văn hưởng về với nhau, thì hoặc là nhân-quả khác nhau, hoặc là Thể-Dụng có sai khác, hoặc là phỏng theo tóm lược lẫn nhau, hoặc là khó-dễ trải qua trình bày, hoặc là pháp-dụ không giống nhau, hoặc là năng-sở theo thứ tự nêu ra. Người truyền thụ khéo léo làm cho phai mờ điều ấy, hai văn chiếu rọi lẫn nhau mà đối với nghĩa dễ dàng hiểu rõ.

Trong kệ một: Hai câu đầu, tức là hư không pháp giới vốn rộng khắp trước đây, bao gồm trình bày về thân Phật có thể rộng khắp, thì mười thân đều rộng khắp. Vô cùng tận, một là xuất hiện không có tận cùng, giống như mây cuộn lên ở núi cao; hai là không phải pháp diệt

tận, giống như hư không luôn luôn tồn tại. Câu tiếp là Tịch tĩnh, bởi vì không có tánh, cho nên không thể nào giữ lấy một-khác, đi cùng-không đi cùng... Câu sau là Phương tiện, hợp lại cả hai làm thành năng lực. Kệ này là pháp của chính người nói, cho nên không kết luận về tên gọi của vị trời; sau đều dựa theo đây có thể biết.

Trong kệ hai: Câu đầu là Tự tại trước đây, Phật là Pháp Vương, cho nên tự tại đối với pháp. Câu hai là quán sát. Câu ba là khắp nơi. Câu bốn là kết luận pháp thuộc về người, vì người khác mà thuyết giảng. Nhưng kết luận về tên gọi và ý nghĩa giống như pháp môn, sợ rằng vẫn nhiều cho nên không phối hợp, nơi khác đều giống như vậy.

Trong kệ ba: Câu đầu là không có dụng công, không thể nghĩ bàn là nêu ra, lìa xa phân biệt là giải thích. Câu hai tức là không sinh..., tương tức là sinh..., Vô tức là nghĩa về không có. Câu ba tức là hành, Trường hàng dựa theo trước hết phải nhận biết về pháp Vô sinh, sau mới có thể thành tựu hạnh không có dụng công; Kệ thì chủ yếu là không còn phân biệt, mới có thể thấy được pháp Vô sinh, Chứng bên trong cùng lúc với Dụng bên ngoài, cho nên hai vẫn có trước-sau.

Trong kệ bốn: Câu đầu trình bày về rộng lớn. Câu hai trình bày về sâu xa, tức là biển Trí tuệ trước đây. Câu ba là tự mình nhìn thấy pháp chân thật, vì vậy có thể làm cho chúng sinh không mê lầm về Sự-Lý.

Trong kệ năm: Câu đầu là Định thuộc phương tiện. Hai câu tiếp là giúp cho an lạc.

Trong kệ sáu: Câu đầu tức là ngu si tăm tối trước đây, nghĩa là từ lâu mê lầm theo cảnh vọng che lấp Chân tâm. Câu hai tức là khiến cho quán sát Tịch tĩnh. Câu ba là bởi vì diệt trừ Vô minh, thì đạt được ngọn đèn Tam Bồ-đề cháy rực, là nghĩa về Diệt trước đây.

Trong kệ bảy: Hai câu đầu tức là khéo léo tiến vào cảnh giới vô biên, cảnh giới vô biên tức là nơi đã ứng đến, không có khéo léo nào sánh bằng. Câu ba là vô tánh, do cảm mà ứng; không có nương tựa, bởi vì suy nghĩ vắng lặng. Từ đó có thể làm cho chúng sinh không tạo nghiệp.

Trong kệ tám: Hai câu đầu là đi đến khắp nơi mười phương để thuyết pháp. Một câu tiếp tức là không lay động, không có nương tựa.

Trong kệ chín: Câu đầu tức là tiến vào cảnh giới vắng lặng. Hai câu tiếp tức là ánh sáng hiện rõ khắp nơi.

Trong kệ mười: Mười một chữ đầu, tức là cảnh giới vô biên làm nơi duyên vào, cầu Bồ-đề tức là nơi đã tỏ ngộ của mình. Câu tiếp là đã duyên vào cảnh ấy, thì chắc chắn khởi lên thần thông mà giáo hóa. Văn

trước đây tóm lược mà thôi.

Hai: Trình bày về Quảng Quả Thiên thuộc Thiên thứ tư.

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Một: Quán sát khắp nơi..., đây là ứng với căn cơ mà trao truyền cho pháp, trình bày về đạt được giải thoát từ trong chướng ngại của quả không có thuyết pháp-căn không nhận biết. Bởi vì đoạn trừ nghi ngờ-phát sinh niềm tin là quả của thuyết pháp, nghĩa là quán sát căn cơ biết rõ về bệnh, thuyết pháp hợp với căn cơ, thuốc và bệnh không sai lầm cho nên nghi ngờ loại trừ-bệnh được chữa lành.

Hai: Nói đến tùy theo nhớ nghĩ, sơ lược có hai ý: Một là tùy theo nghĩ đến Đức Phật nào thì như danh hiệu mà ứng hiện. Hai là tùy theo nghĩ đến có cạn-sâu, khiến cho nhìn thấy Đức Phật có thô-diệu. Đây là đạt được giải thoát đối với hiện thân.

Ba: Pháp tánh bình đẳng, là chỉ có một vị. Không có nương tựa, là lìa xa chủ động-thụ động. Thân trang nghiêm, là chứng được chân thật trang nghiêm ngay nơi không phải trang nghiêm, cho nên tuy xuất hiện ở thế gian mà vẫn như pháp tánh, không dựa vào các quả báo. Đây là đạt được giải thoát đối với có nương tựa.

Bốn: Nhận biết về pháp thế gian, nghĩa là chúng sinh thế gian thì tâm-pháp đều khác nhau, nhận biết rồi tùy theo thích hợp mà hiện bày thần thông thuyết pháp, cho nên nói là an lập. Một niệm nhanh chóng an lập, không phải là nơi mà trời-người và ngoại đạo có thể nghĩ bàn. Dùng điều này trang nghiêm cho biển giáo pháp của Như Lai. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại chậm chạp an lập giáo pháp.

Năm: Một mảy lông..., dựa theo Kệ là lực giải thoát không thể nghĩ bàn. Vô ngại có hai nghĩa: Một là chỉ dựa vào pháp thụ động hiện rõ, thì nhiều quốc độ tự nhiên vô ngại trong mảy lông. Hai là cùng dựa vào chủ động-thụ động, một mảy lông không lớn mà nhiều quốc độ không nhỏ, một-nhiều lớn-nhỏ đều vô ngại; lại bởi vì không có tướng lớn-nhỏ. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại chấp thủ.

Sáu: Phổ môn, là một môn thấu nhiếp tất cả các môn, gọi là Phổ môn. Tùy theo mỗi một môn, đều thu nhận đầy đủ pháp giới. Từ trong đó quán sát về pháp giới, Trí sâu xa phù hợp thông suốt, cho nên gọi là tiến vào. Đây là ở trong tướng tùy theo mà đạt được giải thoát.

Bảy: Chúng sinh vô biên thì căn khí đều khác nhau, ứng hiện hình tướng thuyết pháp thì đủ loại không giống nhau, đã vì căn cơ thuận thực không ngừng cho nên cùng tận đời kiếp luôn luôn ứng hiện. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại sợ hãi khổ đau không giáo hóa

chúng sinh.

Tám: Quán sát tất cả..., nghĩa là quán sát về Sự mà tiến vào Lý, Lý vượt lên mà Tình biểu lộ, nói là không thể nghĩ bàn. Đây là đạt được giải thoát đối với các nghiệp báo.

Chín: Vô biên pháp môn vượt ra, là điểm chủ yếu thuộc căn khí của vạn loại, cho nên chủ yếu vượt ra khó nghĩ bàn. Đây là đạt được giải thoát đối với tướng chấp thủ.

Mười: Đủ loại phương tiện, chỉ tùy theo thích ứng mà cuối cùng thành tựu Chứng trí, gọi là tiến vào pháp của Phật, bởi vì vắng mây Đại Bi xuất hiện đều bình đẳng. Đây là đạt được giải thoát đối với tâm lý không muốn lợi ích chúng sinh. Trước đây nói là chủ yếu vượt ra khiến cho lìa xa khổ đau hư vọng, nay nói là tiến vào pháp khiến cho đạt được niềm vui chân thật.

Trong phần Kệ tụng, quán sát ba chủng loại Thiên trong chúng của mình, là bởi vì không phải che phủ năm cõi trời Tịnh Cư ở phía trên. Mười kệ theo thứ tự hoàn toàn giống như phần Trường hàng.

Trong kệ một: Hai câu trước tức là cảnh giới đã nghi ngờ. Nói về cảnh giới, bao gồm phạm vi giới hạn đã quán sát. Khiến cho khắp nơi là quán sát căn cơ để mà thuyết giảng. Phát sinh niềm tin-hiểu biết là đoạn trừ nghi ngờ. Tin vào phạm vi giới hạn thuộc Đại Dụng của Phật vốn khó lường được, cho nên đoạn trừ nghi ngờ trước đây đối với Phật, phát sinh hiểu biết đúng đắn; tin vào cảnh giới mà Phật đã quán sát, thì đoạn trừ nghi ngờ trước đây đối với Pháp, cũng phát sinh hiểu biết đúng đắn. Nghĩa là như có người nghi ngờ rằng: Bởi vì giữ lại nhân quả cho nên không phải Chân Không, hay là bởi vì Không cho nên không có nhân quả? Nay trình bày chỉ dựa vào Chân Không mà có thể tồn tại nhân quả, nhân quả tồn tại mà chính là Chân Không. Câu bốn giải thích nói về tất cả, bởi vì Đức Phật lấy sự lợi ích cho chúng sinh làm ý thích, đã bao gồm tất cả cho nên rộng lớn vô tận.

Trong kệ hai: Câu đầu tức là nhớ nghĩ. Hai câu tiếp là khiến cho được thấy Phật.

Trong kệ ba: Câu đầu là pháp tánh bình đẳng không có nương tựa. Hai câu tiếp tức là thân trang nghiêm, nghĩa là như pháp tánh làm trang nghiêm, vốn không có nơi nương tựa.

Trong kệ bốn: Một câu đầu tức là hiểu rõ tất cả thế gian. Hai câu tiếp tức là một niệm an lập mà biến trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

Trong kệ năm: Hai câu đầu tức là lộ chân lông hiện rõ quốc độ. Trước đây nói là quốc độ của Phật không thể nghĩ bàn, chỉ là nhiều

theo không gian; nay nói là quá khứ, chính là thời gian tận cùng phạm vi trước đây. Đều thị hiện, là như cảnh tượng hiện rõ trong gương. Một câu tiếp là không có chướng ngại, khiến cho người thuận theo hóa độ nhìn thấy chính là thân thông của Phật, dựa vào Trí như gương sáng của Phật mà quán sát, chính là pháp tánh luôn luôn như vậy.

Trong kệ sáu: Hai câu đầu tức là Phổ Môn. Một câu tiếp tức là Pháp giới. Câu sau cuối thì nghĩa gồm đủ đối với tiến vào.

Trong kệ bảy: Hai câu đầu tức là vì tất cả chúng sinh mà xuất hiện đủ loại. Câu tiếp tức là vô biên đời kiếp luôn luôn hiện rõ trước mắt, nghĩa là dựa theo căn cơ mà ẩn-hiện chứ Phật không có đến-đi, cho nên luôn luôn hiện rõ trước mắt.

Trong kệ tám: Câu đầu tức là quán sát tất cả thế gian. Hai câu tiếp tức là tiến vào pháp không thể nghĩ bàn. Nếu dựa theo Lý mà luận về sâu xa, thì sâu xa chứ không phải là rất sâu xa; nay không hủy hoại Sự mà ngay nơi Lý, cho nên nói là rất sâu xa. Thu nhận đầy đủ Lý mà thành tựu Sự, gọi là nơi sâu xa kín đáo, bao gồm hai pháp trước đây. Luôn luôn vắng lặng là giải thích về nghĩa trước đây, bởi vì các pháp tức là vắng lặng, cho nên không thể nào dùng Lý-Sự để mà suy nghĩ.

Trong kệ chín: Hai câu đầu là nêu rõ tất cả chúng sinh. Một câu tiếp là hiển bày về pháp chủ yếu để vượt ra.

Trong kệ mười: Hai câu đầu là quán sát thích ứng mà hóa độ chúng sinh. Một câu tiếp là khiến cho tiến vào pháp của Phật.

Ba: Trình bày về Thiên thứ ba.

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Môn một: Ngay nơi vắng lặng hiện rõ khắp nơi gọi là phương tiện. Thuyết giảng tức là Đạo, nhờ thuyết giảng mà tiến vào biển giải thoát của Phật. Đây là đạt được giải thoát đối với Thể-Dụng có chướng ngại.

Lại nói về phương tiện, cũng bao gồm phương tiện tiến vào giải thoát.

Môn hai: Tùy theo tất cả..., nghĩa là đạt được giải thoát mà không chủ động hiện rõ khắp nơi. Nói về hình ảnh của ánh sáng, sơ lược có hai cách giải thích: 1- Nhờ vào ánh sáng mà phát ra hình ảnh, hình ảnh chỉ tựa như vật chất mà không giống như ánh sáng; dựa vào Trí hiện rõ hình tướng, hình ảnh tùy theo sự ưa thích của Đại chúng, không tùy theo Trí của mình, tùy theo sự ưa thích liền ứng hiện gọi là thị hiện khắp nơi. 2- Bóng trắng trong nước cũng gọi là hình ảnh của ánh sáng, nghĩa là bóng trắng của Phật không đến mà hình ảnh hiện rõ trong nước của tâm. Hình ảnh phần nhiều tựa như bóng trắng mà chỉ một chút giống như nước, nghĩa là nước lay động thì ánh sáng phát ra dập dờn, nước đục thì

tựa như bóng tối đứng trước hồ, nếu dừng lại mà còn trong veo thì ngọc bích tròn trịa sáng vàng vạc. Đây cũng tùy theo ý mình và người. Ở đây dựa vào Thiên Vương mà tùy theo sự ưa thích của Thiên chúng, trong Kệ dựa vào tất cả đều thích ứng đối với Phật.

Môn ba: Cảnh giới của Phật có hai: 1- Pháp tánh Như Như là cảnh Chứng đắc của Phật; 2- Quốc độ mười phương là cảnh Giáo hóa của Phật. Làm trang nghiêm thanh tịnh cũng có hai: 1- Lìa xa tướng không còn vọng là trang nghiêm thuộc cảnh Như Như; 2- Vạn hạnh hồi hướng là trang nghiêm thuộc cảnh Giáo hóa. Hai loại Vô ngại này là Đại phương tiện. Đây là đạt được giải thoát đối với không khéo léo trang nghiêm.

Môn bốn: Tùy theo các chúng sinh..., nghĩa là Đại Bi sâu dày, cho nên tùy theo vô biên chúng sinh mà tiến vào sinh tử, vĩnh viễn lưu chuyển mà chỉ rõ về Đạo. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại do không có Đại Bi mà rời bỏ chúng sinh.

Môn năm: Phật điều phục chúng sinh, hoặc là thuyết phục, hoặc là thâm nhiếp, hoặc là gồm đủ hai hạnh. Tuy Bi nguyện nhiều môn, mà đều khiến cho hướng về Đạo Vô Thượng. Nếu nhớ nghĩ điều này, thì rõ ràng tiếp nhận giáo hóa không vướng vào đối với Quyền. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại do duyên thù thắng mà có lúc quên mất ý niệm.

Môn sáu: Đạt được Phổ Môn..., Phật dùng Tổng trì phù hợp với pháp tánh, Tổng trì bao gồm thâm nhiếp tất cả, cho nên nói là Phổ Môn. Lại có thể truyền bá thuyết giảng vô tận, cho nên được gọi là Hải. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại do Văn-Tư mà có lúc quên mất.

Môn bảy: Nghĩa là Phật xuất thế khó được gặp, dẫn dắt khiến cho được gặp; tâm tin tưởng khó phát sinh, khuyến khích khiến cho phát sinh. Niềm tin hàm chứa mọi công đức, cho nên gọi là Tạng. Văn sau kinh nói: Tín là tài sản bậc nhất trong kho tạng quý báu. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại do ganh ghét-tà kiến.

Môn tám: Có thể khiến cho..., trước đây khiến cho tin vào Phật, ở đây khiến cho tin vào pháp. Nương nhờ tức là tin tưởng, hiểu biết thì hoan hỷ. Tin tưởng có thể hướng đến tiến vào, hoan hỷ thì vâng theo thực hành, nhờ đó có được tên gọi giải thoát mà xuất ly. Đây là đạt được giải thoát đối với mê mờ che phủ chúng sinh làm chướng ngại đến Đạo xuất ly.

Môn chín: Nghĩa là Chúng sinh giới-Pháp giới, Điều phục giới-

Hư không giới, đều vô biên vô tận. Bi-Trí của Bồ-tát dùng Phương tiện giới, mở bày chỉ rõ về Pháp giới, thực hành Điều phục giới giống như Hư không giới, cho nên đạt được giải thoát từ trong chướng ngại vốn có giới hạn.

Môn mười: Quán sát chúng sinh..., do Bi mà thương xót, do Trí mà quán sát. Quán sát phiền não biết rõ căn bệnh hiện hành, đã chuyển hóa mà vượt qua căn bệnh ấy. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại do không có Bi-không có phương tiện.

Trong phần tụng có mười một tụng, mười tụng đầu theo thứ tự như Trường hàng trước đây. Dựa vào bản tiếng Phạn, trong phần nêu ra tên gọi thì phần Trường hàng này thiếu vị Thiên Vương thứ mười một, tên gọi vị ấy là Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương. Văn sau nói Diệu Âm là lược qua mà chưa xem lại.

Trong kệ một: Hai câu đầu là thông hiểu rõ ràng về phương tiện, dựa vào pháp tánh mà hiện bày. Hai câu sau về thuyết giảng tức là Đạo, thuyết giảng về giải thoát không thể nghĩ bàn, khiến cho Đại chúng cùng nhau quay về.

Trong kệ hai: Hai câu đầu trình bày về hình ảnh của ánh sáng hiện rõ khắp nơi, không có nương tựa cho nên như hình ảnh. Câu ba là thành tựu về hai nghĩa trước đây, bởi vì Vô sinh cho nên như hình ảnh không có nương tựa, lược qua không trình bày về tùy theo sự ưa thích của Thiên chúng.

Trong kệ ba: Câu đầu là nêu ra phương tiện, vô lượng đời kiếp tu tập là bao gồm hiển bày về nghĩa của Đại. Hai câu tiếp là chính thức trình bày về phương tiện làm trang nghiêm cảnh giới của Phật.

Trong kệ bốn: Hai câu đầu tức là chúng sinh vĩnh viễn lưu chuyển, nghĩa là do Vô minh mà đui mù che mất tâm thanh tịnh vốn có, bởi vì tạo nghiệp-thọ thân cho nên luôn luôn ở trong sinh tử. Một câu tiếp tức là tùy theo mà chỉ rõ cho chúng sinh.

Trong kệ năm: Tướng tổng quát là ca ngợi về hạnh điều phục chúng sinh của Phật. Câu đầu là cao vợi, câu tiếp là sâu xa, câu sau là rộng lớn.

Trong kệ sáu: Hai câu đầu tức là Đà-la-ni Phổ Môn. Một câu tiếp tức là nơi đã phát ra. Nêu rõ về giáo, là nêu rõ về giáo của phápthiện-ác, khiến cho tu hành phù hợp với tánh không có gì lệch lạc, cho nên rộng khắp mà vô tận.

Trong kệ bảy: Hai câu đầu là được gặp Phật. Câu tiếp là phát sinh kho tàng của niềm tin, không tin thì Phật khó được gặp, niềm tin đích

thực chỉ riêng Phật có thể làm cho phát sinh. Đã được gặp Phật, phát sinh niềm tin, nhiều lần tác thành lẫn nhau. Nay một lần được gặp, sao có thể không tin?

Trong kệ tám: Hai câu đầu tức là pháp đã nghe, dùng Vô tánh làm Chân tánh của pháp. Một câu tiếp tức là khiến cho chúng sinh tin tưởng vui mừng, xuất ly thanh tịnh thì ra khỏi nơi hỗn loạn tăm tối của không tin tưởng, cho nên thành tựu vô lậu.

Trong kệ chín: Một câu đầu là người có năng lực điều phục, trước là nhân-ở đây là quả vậy thôi. Giáo hóa Chúng sinh giới tức là hạnh điều phục. Vô biên vô tận là không thể nghĩ bàn. Tư duy làm vui lòng chúng sinh thì gọi là tiến vào.

Trong kệ mười: Hai câu đầu tức là vô lượng phiền não của chúng sinh, nghĩa là hai Sở thuộc Lợi-Độn, La-sát thuộc Ái kiến đều rất đáng sợ. Một câu tiếp là dùng Bi mà thương xót, dùng Trí khiến cho lìa xa.

Trong kệ mười một: Trường hàng đã thiếu, thì sơ lược hiển bày đối với tên gọi. Hai câu đầu là nghĩa về Tinh Tú Trang Nghiêm, nghĩa là ánh sáng của Phật tỏa ra nơi pháp giới, rực rỡ như sao trời. Một câu tiếp tức là Diệu Âm Trang Nghiêm, là sự việc giáo hóa chúng sinh, không ra ngoài ba Luân. Trên đây nói Diệu Âm là nêu ra một pháp để thiết lập tên gọi mà thôi. Nếu thiết lập tên gọi theo Trường hàng thì nên nói là đạt được Giải thoát môn thâm nhiếp giáo hóa phát ra ánh sáng hiện rõ ba Luân của Phật.

Bốn: Bày về Thiên thứ hai.

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Môn một: Có hai nghĩa: a) Bên trong chứng được pháp Lạc chân thật, kinh-luận cùng nói là Lạc, có năm loại: 1- Nhân; 2- Quả; 3- Khổ đối trị loại trừ; 4- Đoạn trừ Thọ; 5- Không có não hại. Pháp Lạc không có não hại lại có bốn loại, đó là Lạc do xuất gia mà xa lìa, Lạc do Thiên định làm cho vui thích, Lạc do pháp giác ngộ Bồ-đề, Lạc do Niết-bàn tịch tĩnh. Nay là pháp Lạc do Niết-bàn tịch tĩnh. Nếu tổng quát chọn lấy chữ Thọ bao gồm Thiên định và Bồ-đề thì hàm chứa nhân quả. Nói là luôn luôn Thọ, bởi vì Thọ các Thọ mà không có pháp đã Thọ; nếu cần đến cảnh giới thì không phải là luôn luôn. b- Từ “Nhi năng giáng...” trở xuống là bên ngoài kiến lập về nghĩa của Đại, giáng thần-hiện tướng trừ diệt nhân quả của khổ. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại về Thể-Dụng của Niết-bàn.

Môn hai: Nghĩa là Vô duyên Đại Bi tương ứng với Tánh hải, trừ bỏ hoạn nạn khốn khó của thế gian cho nên sinh ra vui thích. Vô tận gọi

là Tạng. Đây là đạt được giải thoát đối với tâm não hại.

Môn ba: Một niệm..., là tu về nhân của phước đức, cảm được quả thuộc Y báo-Chánh báo là lực của phước. Tuy nhiều người-nhiều kiếp đã cảm, mà niệm-kiếp dung thông lập tức hiện rõ. Đây là đạt được giải thoát đối với thời kiếp.

Môn bốn: Nghĩa là bởi vì Phật lực không lay động, mà ba thời kỳ Thành-Trụ-Hoại đều giống như kiếp Không, luôn luôn thanh tịnh. Đây là đạt được giải thoát đối với chuyển biến.

Môn năm: Yêu thích..., nghĩa là tin tưởng vui với pháp của Phật Bồ-tát, cung kính vâng theo tu hành, thì đạt được giải thoát đối với hai chướng.

Môn sáu: Địa là nói về Trí của Địa, Nghĩa là nói về thanh tịnh, tức là lìa xa niệm vượt lên trên tâm địa. Phương tiện là chỉ dạy dẫn dắt và từ đó tiến vào Địa, tiến vào an trú-vượt ra... Dùng biện tài vô tận thuyết giảng về pháp vô tận, cho nên có thể trải qua đời kiếp.

Môn bảy: Tất cả..., tổng quát có hai nghĩa: 1- Hiện bày nhiều thân, phát khởi nhiều sự cúng dường, cúng dường nhiều Đức Phật, đều hợp với chân thật cho nên gọi là Đại phương tiện, tức là ý trong Trường hàng. 2- Một niệm tám tướng rộng khắp pháp giới, cho nên gọi là Đại phương tiện, tức là ý trong Kế. Đối với tự tại trên đây gọi là giải thoát.

Môn tám: Đạt được giải thoát đối với chướng ngại do Định-Tuệ.

Môn chín: Quả đầy đủ ứng với căn cơ, là đạt được giải thoát đối với hiện thân giáo hóa chúng sinh, mà không có tánh nhẩn nại.

Môn mười: Nhìn thấy vắng mây Đại nguyện của Phật, yêu thích thuận theo tu học. Đây là đạt được giải thoát đối với chướng ngại do tự khinh mình.

Trong phần tụng có mười kệ theo thứ tự dựa vào Trường hàng trước đây.

Trong kệ một: Ba câu trước trình bày về niềm vui Tịch tĩnh, tổng quát nêu ra nhân của niềm vui để hiển bày về quả của niềm vui. Câu sau cuối là Dụng của giảng thần thị hiện.

Trong kệ hai: Một câu đầu tức là đã tương ứng với Tánh hải. Một câu tiếp tức là có thể thích ứng với Đại Bi, Đại Bi gánh vác chúng sinh cho nên gọi là Địa. Câu tiếp tức là sinh ra kho tàng hoan hỷ, ưu sầu trừ diệt cho nên hoan hỷ, hoạn nạn trừ diệt cho nên an lạc.

Trong kệ ba: Câu đầu là chủ động hiện bày. Hai câu tiếp là pháp đã hiện bày.

Trong kệ bốn: Hai câu đầu tức là làm cho tất cả thành tự-an trú...

Một câu tiếp tụng về sự thanh tịnh giống như hư không, bởi vì ba tai họa tràn lan khắp nơi, mà Tịnh độ không bị hủy hoại. Nhưng hai kệ ba-bốn tựa như trở về phần trước, tạm thời thuận theo văn mà giải thích vậy thôi.

Trong kệ năm: Hai câu đầu, tất cả đều cung kính vâng theo là yêu thích, còn lại là Thánh nhân. Một câu tiếp tức là pháp bậc Thượng và sự tin tưởng tiếp nhận.

Trong kệ sáu: Một câu đầu là trải qua kiếp trú. Hai câu tiếp tức là nghĩa của Địa, vô biên phương tiện là tất cả.

Trong kệ bảy: Tất cả tụng về tám tướng rộng khắp, tóm lược không có cúng dường.

Trong kệ tám: Câu đầu là Trí tuệ trước đây. Câu tiếp là Thần thông. Câu tiếp là vô tận và biển, bởi vì tùy theo căn cơ làm cho thanh tịnh vốn là sâu rộng.

Trong kệ chín: Hai câu đầu tức là biển đức đầy đủ. Một câu tiếp là nói về xuất hiện ở thế gian.

Trong kệ mười: Ba câu đầu là tổng quát trình bày về lực của thế nguyện xưa kia. Câu bốn là trong kết luận thì hiển bày về kho tàng yêu thích của niềm tin sâu sắc, bởi vì văn nói là Đại hoan hỷ.

Năm: Trình bày về Thiền thứ nhất.

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Môn một: An trú rộng khắp..., Đại Dụng ứng với căn cơ cho nên thuyết pháp ở khắp mọi nơi, Dụng mà thường Tịch cho nên hành thanh tịnh Vô nhiễm, đạt được tâm Vô hành cho nên hành thanh tịnh, hiểu rõ cảnh Vô tướng cho nên Vô nhiễm.

Môn hai: Phật là cảnh Định, trú vào Định thì nhìn thấy sâu xa.

Môn ba: Tiến vào khắp nơi..., biến pháp khó lường tính gọi là không thể nghĩ bàn, một lời thuyết giảng cùng tận gọi là tiến vào khắp nơi.

Môn bốn: Âm thanh tròn vẹn tùy theo chủng loại, gọi là biển âm thanh, nếu không có phân biệt thì mới tiến vào âm thanh của Phật.

Môn năm: Có thể nhớ nghĩ..., giáo hóa chúng sinh tức là hưởng đến thực hành Bồ-đề, bởi vì Trí tức trú ghi nhớ rõ ràng.

Môn sáu: Báo của chúng sinh khác nhau, tùy theo nghiệp có khác nhau, Phật thị hiện nhận chịu khiến cho phát sinh Chánh Tín.

Môn bảy: Tự tại đối với pháp mới có thể tùy theo chủng loại mà điều phục chúng sinh.

Môn tám: Thân Phật là Vô tướng, thanh tịnh giống như pháp tánh,

hiện rõ mà cùng nhau chuyển hóa, là hạnh của tịch diệt.

Môn chín: Không đắm theo các quả báo, cho nên có thể luôn luôn hiện rõ ba nghiệp, vô biên mà lại không có gì có thể nương tựa.

Môn mười: Quán sát về tánh thì Vô tướng giống như hư không, có gì có thể cùng tận? Xét kỹ Dụng tùy theo thích hợp, như vỗ vào mặt nước thì sóng gợn, hễ vỗ vào liền sinh ra, lại nào có thể cùng tận.

Trong phần Kệ, trước hết vị Thượng thủ quán sát Đại chúng, tách ra thì thành bốn vị Thiên Vương, hợp lại là thân Phạm Thiên, ngay nơi Thiên chúng cũng có. Kinh nói: Phạm chúng-Phạm thân, Phạm phụ-Phạm quyến thuộc, Thân tức là chúng, Phụ tức là quyến thuộc.

Trong phần tụng có mười kệ theo thứ tự.

Trong kệ một: Câu đầu là Pháp thân khắp nơi tất cả đạo tràng. Một câu tiếp là ánh sáng Trí tuệ thuyết pháp. Một câu tiếp là hành thanh tịnh Vô nhiễm, Cảnh tượng-Trí hành đã không còn, thì ảnh tượng của Đại Dụng cũng vắng lặng. Câu sau cuối là dùng ví dụ để hiển bày, mây không lia xa bầu trời, bầu trời không trở ngại mây, để so sánh với Tịch-Dụng.

Trong kệ hai: Hai câu đầu là tiến vào cảnh của Thiên, Pháp thân Như Lai tức là tánh của tâm, nếu có thể quán sát thì đó là Định bậc Thượng. Một câu tiếp là chỉ rõ phương tiện tiến vào, tuy nhiều mà cùng tiến vào vắng lặng như nhau.

Trong kệ ba: Câu đầu tức là pháp không thể nghĩ bàn. Hai câu tiếp là trình bày về nghĩa tiến vào khắp nơi, dùng một lời mà thuyết giảng cùng tận, biện giải về một lời thuyết giảng cùng tận, kiếp hải cũng không thể nào cùng tận, hiển bày về pháp vô tận. Dựa theo có thể bao gồm thì một lời thuyết giảng cùng tận, dựa theo có thể lâu dài thì kiếp hải không cùng tận. Nhưng một lời chỉ thuyết giảng về vô số thế giới (Sát trần), chưa phải là vô tận. Nếu như muốn làm cho một lời thuyết giảng cùng tận, thì hai câu thứ hai-thứ ba trái ngược với nhau. Một lời thuyết giảng cùng tận, kiếp hải lại do đâu trình bày mà có thể không cùng tận? Lại trước đây có pháp đã thuyết giảng mà không cùng tận, còn không có thể thuyết giảng thêm nữa. Nếu muốn làm cho thông suốt, toàn bộ hướng về thì có thể thuyết giảng cùng tận, kín đáo chiếu rọi trùng trùng thì không thể nào cùng tận; như vỗ vào mặt nước thì sóng gợn, vỗ nhỏ-vỗ lớn-vỗ khắp nơi, đều tùy theo mà sinh ra gợn sóng, vỗ vào tận cùng thời gian vị lai thì sinh ra gợn sóng tận cùng vị lai, là pháp khó nghĩ bàn.

Trong kệ bốn: Nghĩa về âm thanh tròn vẹn, văn sơ lược có ba nghĩa:

1- Rộng lớn vô biên; 2- Riêng biệt giải thích bày tỏ; 3- Không hề phân biệt. Như thứ tự ba câu, còn lại phân rõ như phẩm Xuất Hiện.

Trong kệ năm: Hai câu đầu tức là thực hành phương tiện giáo hóa chúng sinh, ba đời chư Phật đều dùng Lợi tha để hướng đến Bồ-đề, tự làm thanh tịnh nghiệp của mình. Câu tiếp, trước đây dựa vào Phạm Vương cho nên nói là nhớ nghĩ, nay dựa vào Như Lai cho nên thân hiện rõ mà thôi. Một mảy lông hã còn hiện rõ, huống hồ toàn thân hay sao?

Trong kệ sáu: Câu đầu là tướng của nghiệp sai biệt. Câu tiếp là tướng của báo sai biệt. Câu tiếp là hiện rõ giống như thế gian.

Trong kệ bảy: Hai câu trước là tùy theo chủng loại mà điều phục chúng sinh, pháp điều phục tự tại, cho nên có thể tùy theo chủng loại rộng khắp mọi nơi. Câu tiếp là hiển bày rõ ràng về nghĩa trước đây, không hề suy nghĩ mà thành tựu sự việc.

Trong kệ tám: Hai câu đầu trình bày về Thể tánh của Phật, tức là thanh tịnh tịch diệt trước đây, từ “Bất khả tận...” trở xuống là sơ lược hiển bày về bốn nghĩa như hư không. Câu tiếp là Dụng của Phật, ứng hiện là hành, đã đều như hóa hiện mà không mất đi Tịch diệt.

Trong kệ chín: Hai câu đầu là pháp đã nhìn thấy không có giới hạn. Câu tiếp là thường xuyên hiện bày mà không có gì nường tựa.

Trong kệ mười: Hai câu đầu là thường suy nghĩ về Đại Dụng vô tận, nghĩa là an trú trong cung Đại Bi, cho nên có thể hiện rõ Đại sự. Câu tiếp là thường quán sát về Thể vô tận của pháp.

Từ đây trở xuống là phần 2: Chư Thiên cõi Dục, văn có bảy đoạn:

Một: Tha Hóa Thiên Vương:

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Một: Nghĩa là tự tại hiện rõ trước mắt chúng sinh, điều phục làm cho chúng sinh thành thực, pháp giáo hóa vô tận cho nên gọi là Tạng.

Hai: Quán sát về tướng của niềm vui thế gian đều là khổ, cho nên thuận theo rời bỏ. Quán sát về tánh của niềm vui thế gian tức là hòa vào niềm vui của Thánh nhân.

Ba: Tùy theo niềm vui mà đoạn trừ nghi ngờ, khiến cho phát khởi Chánh hạnh.

Bốn: Một lời thâm nhiếp tất cả các nghĩa, khắp nơi tất cả thời gian-nơi chốn vì chúng sinh mà thuyết giảng.

Năm: Học theo Đức Phật tu hạnh Từ Bi.

Sáu: Thị hiện..., Thập Lực Đại Bi phá tan kiêu mạn tự cao của

chúng sinh, mà không phá hoại tâm của họ, cho nên nói là thị hiện.

Bảy: Dùng ánh sáng Trí tuệ soi chiếu các thế gian, khiến cho lìa xa bóng tối của ba Độc, thì không có quả của nẻo ác. Bởi vì chướng của Sân-Si sâu nặng, cho nên cùng với Kế trình bày lẫn nhau.

Tám: Mười phương..., bởi vì thuận thực về Tam-muội Niệm Phật, cho nên tùy theo niệm Đức Phật nào thì có thể được thấy, như các vị Tri thức Hưu Xả-Giải Thoát...

Chín: Ứng với niệm hiện rõ thành tự.

Mười: Tiến vào khắp nơi..., Tịch-Dụng tự tại hiện rõ ở thế gian mà điều phục chúng sinh, tổng quát gọi là uy lực.

Trong phần kệ cũng có mười kệ theo thứ tự.

Trong kệ một: Câu đầu là Thể rộng khắp. Câu tiếp là Dụng rộng khắp cho nên có thể hiện rõ trước mắt. Câu tiếp là Giáo Tạng có thể thành tự. Câu sau cuối là đã thành tự tự tại, mở bày Pháp Tạng tỏ ngộ pháp môn sâu xa, tức là thành thực.

Trong kệ hai: Hai câu đầu là hai niềm vui (Lạc). Câu tiếp là khiến cho tiến vào.

Hai kệ ba và bốn, có thể biết.

Trong kệ năm: Ba câu cùng hiển bày về Đại Từ của Như Lai, hai câu đầu là nêu ra yếu kém hiển bày về thù thắng, câu tiếp là dùng ví dụ để chính thức hiển bày. Nghĩa là Từ của thế gian có tướng, như núi Tu-di cao lớn và biển rộng bao la, cuối cùng có thể sụp đổ-khô cạn; Từ của Phật xứng với tánh, như khoảng không trong hạt cải và đất bỏ trên lưỡi dao, thì không thể nào hết được. Lại như hư không, xuất hiện che phủ khắp nơi luôn luôn thâm nhiếp, rộng rãi chứa đựng vô ngại, vô tận khó mà hủy hoại. Sơ lược nêu ra một Vô tận mà thôi.

Kệ sáu-bảy và tám, vẫn cũng có thể biết.

Trong kệ chín: Hai câu đầu trình bày về Thể của Phật rộng khắp tất cả, không có thành tự-không thành tự. Câu tiếp là tùy theo tâm của chúng sinh mà thị hiện thành Chánh giác.

Trong kệ mười: Hiện bày khắp nơi mười phương, tức là tiến vào khắp nơi tất cả thế gian; còn lại đều là uy lực tự tại.

Hai: Hóa Lạc Thiên:

Trong phần Trường hàng trình bày về mười một pháp:

Một: Vì chúng sinh mở bày rõ ràng về các nghiệp như hóa hiện, hóa hiện tuy Thể hư giả mà có tác dụng làm năng lực, nghiệp cũng thuận theo duyên không có tánh mà quả báo không mất đi.

Hai: Lìa bỏ..., dựa vào-giữ lấy duyên lự là nguồn gốc của bệnh mê

lầm, nếu tâm-cảnh không có gì đạt được thì rời bỏ duyên dựa vào.

Ba: Tối tăm diệt hết thì Trí phát sinh, như mặt trăng tròn và khuyết.

Bốn: Thị hiện..., âm thanh của Phạm Vương vi diệu cho nên nói là tâm ý vui thích, ứng với khắp nơi mười phương cho nên nói là vô biên.

Năm: Nhận biết tất cả..., ở đây có ba nghĩa: 1- Tướng của phước đức, có số lượng như số vi trần trong mười thế giới Liên Hoa Tạng, cho nên không có tận cùng. 2- Nghĩa là Thanh tịnh-Từ môn... do nhân vô hạn mà sinh ra, mỗi một nhân quả đều phù hợp với Chân, mỗi một nhân quả đã không có tận cùng, đều giống như hư không. 3- Hạnh Đại Từ Bi là tướng của phước đức, khiến cho người đui-điếc được thấy-nghe..., đều do lực của thiện căn Từ Bi. Trong kinh Niết Bàn nói: “Có người nghe ca ngợi Phật là bậc Đại phước đức, giận dữ nói: Sinh ra trải qua bảy ngày thì mẹ mạng chung, lẽ nào nói là tướng Đại phước đức? Người ca ngợi nói: Tuổi và chí nguyện đều tràn đầy mà không đột ngột chết vì bệnh, đánh đập không nổi giận, mắng chửi không đáp lại, vì thế cho nên tôi nói là tướng Đại phước đức. Người giận dữ nghe mà thật lòng tin phục.” Vì vậy, Từ là tướng của phước đức vô tận, như vậy cùng với nghĩa trước đây tác thành lẫn nhau.

Sáu: Tam Đạt tròn vẹn, Trí hiểu rõ về thời kiếp ba đời. Đây là dựa vào Thiên Vương, tạm thời nói là Túc trú mà thôi.

Bảy: Khai ngộ..., môn này thiếu phần Kệ. Trong văn trước-sau nhiều lần có nói đến Khai Ngộ, tức là giống như Khai Thị Ngộ Nhập trong kinh Pháp Hoa. Dùng mở bày(Khai) để thâm nhiếp nêu ra (Thị), dùng hiểu biết (Ngộ) để thâm nhiếp tiến vào (Nhập), nghĩa là mở bày nêu ra dựa theo chủ động giáo hóa, hiểu biết tiến vào dựa theo thụ động giáo hóa. Luận ấy nói: “Khai là nghĩa về Vô thượng, đó là trừ ra Trí của Nhất thiết trí lại không có sự việc nào khác, tức là cùng mở bày về Bồ-đề và Niết-bàn, nghĩa là bởi vì Tánh của thấy-biết là Niết-bàn, Tướng của thấy-biết là Bồ-đề, chúng sinh vốn có chướng ngại che phủ cho nên không hiện bày, Phật vì chúng sinh mà mở bày đưa ra, thì Bản Trí hiển bày. Thị là nghĩa về giống nhau, bởi vì Tam thừa giống nhau về Pháp thân. Ngộ là nghĩa về không nhận biết, bởi vì không nhận biết chỉ là sự việc của một Thật pháp, nay khiến cho nhận biết mà thành tựu Bồ-đề thuộc Báo thân. Nhập là khiến cho chứng được Địa không thối chuyển, tức là nghĩa về nhân, bởi vì chứng được Địa thứ nhất trở lên là nhân của Bồ-đề và Niết-bàn.” Rộng ra như luận ấy giải thích.

Tám: Ánh sáng xứng với tánh có A-nan khắp nơi.

Chín: Tất cả..., nghĩa là phù hợp với Lý vốn có tu tập trải qua nhiều kiếp không hề mệt mỏi, cho nên quân ma-ngoại đạo vốn không thể nào phá hoại.

Mười: Thiên-ác đều khác nhau, khổ-vui đều sai biệt, tánh-tướng đều nhận biết.

Mười một: Thị hiện..., vô biên phẩm loại lập tức hiện rõ ở một mảy lông, lại không có đến-đi thì càng hiển bày rõ ràng về khó nghĩ bàn.

Trong phần kệ sót mất kệ về pháp thứ bảy, chỉ có mười kệ.

Trong kệ một: Câu đầu là tổng quát. Câu tiếp là mở bày nêu ra. Hai câu sau là hiển bày về lực như hóa hiện. Nghiệp sai biệt là bởi vì quả không mất.

Trong kệ hai: Câu đầu là duyên đã dựa vào. Hai câu sau là không có gì đạt được. Nhưng duyên theo cảnh có hai: 1- Chân; 2- Vọng. Phật là Chân mà có duyên vào thì cũng trở thành mê hoặc hư vọng, hướng là đối với Vọng hay sao? Đủ loại quán sát, là bởi vì năm sự mong cầu không được. Nói là Phật có chướng, là Thường kiến làm cho mê hoặc. Nói là Phật không có chướng, là Tà kiến sâu dày. Bốn câu phân biệt-trăm lỗi sai trái vốn không thể nào thêm nữa, cho nên không hề có gì. Không những một Đức Phật, mà chư Phật mười phương cũng như vậy, ứng hóa thị hiện không phải là chân thật, cho nên cầu mong chân thật không có được thì thấy Chân thân. Chân tức là không có duyên, Phật hãy còn thuận theo rời bỏ, hướng gì là cảnh khác hay sao?

Kệ ba-bốn, có thể biết.

Trong kệ năm: Hai câu đầu là tướng của phước đức. Câu tiếp là tướng vô tận. Tướng tốt, trong kinh nói: “Tất cả phước trong loài người không sánh bằng một vị trời.” Cho đến nói: “Tất cả phước của thế gian không sánh bằng một tướng của Như Lai...”

Trong kệ sáu: Dựa theo Trí của Thiên Vương nhận biết tất cả, dựa theo một mảy lông của Phật có thể hiện bày rõ ràng.

Trong kệ bảy: Hai câu đầu trình bày về lỗ chân lông vượt qua hư không, nghĩa là linh Trí chứng Lý không phải giống như hư không, Lý chân thật vượt lên trên Sự cho nên cũng không phải so sánh, Lý-Trí vô hạn không thể nào phân tích, tùy theo một phần ít đã dung hòa thấu nhiếp trùng trùng, cho nên lượng của một mảy lông đã vượt qua hư không. Câu tiếp là riêng biệt nêu ra tướng vượt qua, nghĩa là lỗ chân lông không lớn mà không có bến bờ, tức là rộng-hẹp vốn không ngăn ngại, không còn cảnh của nghĩ bàn. Trước đây thì mở rộng ra bên ngoài một ánh sáng, nay thì mở rộng ra bên trong một mảy lông, vẫn làm đẹp

lẫn nhau mà thôi. Một mảy lông vốn tự nhiên rộng khắp hư không mười phương, thì lẽ nào có thể khó đầy đủ hay sao?

Trong kệ tám: Câu đầu là Tu trải qua thời gian dài. Câu tiếp là Tu không sót pháp nào. Câu tiếp là Tu không gián đoạn. Đầy đủ ba Tu này cho nên Tunh tiến lực khó hủy hoại. Mà nói Ba-la-mật rộng lớn, đến quyển thứ năm của kinh sẽ giải thích.

Trong kệ chín: Câu đầu là tổng quát hiển bày về tánh-tướng của nghiệp tức là duyên sinh, quả báo không mất tức là vô tánh chứ không phải có, cho nên không thể suy nghĩ có hay không có. Câu tiếp là Phật thuyết giảng như vậy, Thiên Vương nhận biết như vậy. Câu tiếp là dùng tánh của pháp để nêu ra tánh của nghiệp.

Trong kệ mười: Hai câu đầu, nhỏ bé hiện bày to lớn-một hiện bày nhiều, là một pháp khó mà suy nghĩ. Câu tiếp là lúc hiện bày mà không đến, không hiện bày mà không đi, lại khó mà suy nghĩ.

Ba: Tri Túc Thiên:

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Một: Thiên Vương đạt được pháp môn thuộc Tổng tướng, chư Phật sắp xuất thế đều sinh đến cõi Trời ấy. Lúc sinh ra thì ứng với tất cả pháp giới, lập tức trình bày Hoa Nghiêm là giáo pháp viên mãn.

Hai: Tận cùng hư không..., là ánh sáng-sắc thân đều rộng khắp pháp giới hư không, rõ ràng không thể giữ lấy cho nên nói là thanh tịnh.

Ba: Dùng nguyện lực thanh tịnh diệt trừ khổ đau của nghiệp-phiền não.

Bốn và năm: Có thể biết.

Sáu: Giáo hóa khắp nơi..., khắp nơi tức là không thiên lệch, luôn luôn tức là không gián đoạn, nêu ra niềm vui chân thật ấy tức là Như Lai Tạng.

Bảy: Trí tự mình hiểu rõ về cảnh đã tiến vào của Phật, cho nên chỉ bày cho chúng sinh cùng nhau tỏ ngộ.

Tám: Dùng phước thanh tịnh làm cho tâm Bồ-đề kiên cố.

Chín: Nghĩa là trên thì quán sát, dưới thì giáo hóa.

Mười: Tức là soi chiếu hiện bày nhanh chóng.

Trong phần kệ có mười kệ:

Trong kệ một: Nửa kệ trước tức là nghĩa về xuất thế, câu trên là Thể-Trí đều rộng khắp, câu dưới là Bi-Dụng đều rộng khắp. Nửa kệ sau tức là Giáo luân viên mãn, câu trước tức là Quyền của Thật làm Diệu môn, câu sau là kết hợp Quyền tiến vào Thật làm viên mãn.

Trong kệ hai, có thể biết.

Trong kệ ba: Hai câu đầu là dùng Hạnh làm thanh tịnh Nguyên. Câu tiếp là tạp nhiễm vốn Không. Trước đây khiến cho diệt trừ bởi vì vốn đầy đủ pháp của Phật, nay làm cho đầy đủ bởi vì Vọng không còn thì Chân hiển bày, hai lời tác thành lẫn nhau.

Trong kệ bốn: Hai câu đầu là dựa vào Thể hiện rõ khắp nơi, như ánh trăng chiếu vào trăm sông, tìm mặt trăng theo hình ảnh thì Thể của mặt trăng không phân biệt, tức là Dụng của Thể thì Dụng ấy rộng khắp pháp giới, Thể-Dụng xen nhau hoàn toàn cho nên không thể nghĩ bàn. Câu tiếp là phù hợp với căn cơ mà thuyết pháp.

Trong kệ năm: Nửa kệ trước tức là chúng sinh đã thanh tịnh, vốn có ba loại tạp nhiễm, trong đó câu trên là nêu ra, câu dưới là sơ lược chỉ ra tướng của phiền não. Mạn là căn bản phiền não, Kiêu-Dật là tùy phiền não. Kiêu nghĩa là nhiễm theo việc lớn trọng thể của mình, Mạn nghĩa là cậy thế mình mà làm nhục người khác, Phóng dật tức là mặc sức phóng túng. Kiêu là nhiễm theo pháp đã dựa vào, Mạn là có thể chìm đắm mãi trong sinh tử, Phóng dật là nguồn gốc của các phiền não, cho nên chỉ nêu ra ba loại này. Đãng là động, nghĩa là gió của cảnh trần thổi vào làm cho bông bèo trôi dạt khắp nơi. Câu tiếp là có thể làm thanh tịnh pháp môn, nghĩa là không giữ lấy tướng bởi vì Thể ấy vốn vắng lặng.

Kệ sáu-bảy và tám, vẫn đều có thể biết.

Trong kệ chín: Tổng quát hiển bày về phần trước đây, đã gần gũi thì nhất định phải cung kính-cúng dường-nghe pháp, dùng pháp được nghe để điều phục người khác, là sự cúng dường chân thật. Trong phần nêu ra tên gọi nói là Tinh Tú Tràng, nay cùng đưa ra vốn là trang nghiêm cho Trường hàng.

Trong kệ mười: Nửa kệ trước là đã nhận biết tâm của chúng sinh, câu trên nêu ra sâu rộng, câu dưới hiển bày về tướng. Ý niệm suy nghĩ không dừng lại, nhiều hơn cỏ cho nên rộng. Sâu thì có ba nghĩa: 1- Luôn luôn chuyển đổi như dòng chảy, cho nên không không dừng lại; 2- Thể vốn có vắng lặng, cho nên không lay động; 3- Thuận theo duyên hư vọng dấy khởi, không có nơi nương tựa riêng biệt.

Bốn: Thời Phần Thiên:

Trong phần Trường hàng trình bày về mười pháp:

Một: Thiện căn nếu phát khởi thì lo âu phiền muộn tự nhiên trừ diệt.

Hai: Dùng vô hạn phương tiện để chứng tất cả cảnh giới của Pháp

thân.

Ba: Bi phá tan phiền não khổ đau, cho nên gọi là Luân.

Bốn: Dùng Trí thuộc Tam Đạt biết rõ căn cơ mà trao cho giáo pháp.

Năm: Đà-la-ni..., Tổng trì tiến vào Lý, cho nên gọi là Môn; lấy Tuệ làm Thể, cho nên nói là Quang minh. Nếu chọn lấy bạn hỗ trợ thì bao gồm Niệm-Định, Niệm tức là ghi nhớ rõ ràng mà có thể nhớ nghĩ duy trì, Định chính là tâm chuyên nhất luôn luôn không có gì quên mất, tất cả các pháp như bốn vô ngại..., đều là những pháp đã duy trì.

Sáu: Có thể biết.

Bảy: Chuyển pháp..., chuyển pháp nêu ra Đạo của Bồ-đề, tức là phương tiện làm cho chúng sinh thành thực.

Tám: Mười mắt nhìn thấy trọn vẹn tùy theo thích ứng mà đi đến để giáo hóa.

Chín: Vượt ra ngoài..., vượt ra ngoài nghiệp chướng khiến cho lìa xa nhân ác, không tùy theo ma tạo tác mà rời bỏ duyên ác.

Mười: Bình đẳng rưới làn mưa giáo pháp, khuyến bảo khiến cho tăng tiến pháp thiện, làm cho chúng sinh tiếp nhận thực hành; dạy dỗ khiến cho đoạn trừ pháp ác, để cho chúng sinh đạt được tâm thanh tịnh. Đây là dựa vào chữ Thiên, kệ thì bao gồm tất cả.

Trong phần kệ cũng có mười kệ:

Trong kệ một: Tổng quát hiển bày, nửa kệ trước làm sáng tỏ về mình đã lìa xa, nửa kệ sau mở bày phát khởi thiện căn có thể lìa xa.

Kệ hai-ba-bốn và năm, văn đều có thể biết.

Trong kệ sáu: Câu đầu tức là tánh của nghiệp. Nói về rộng lớn, là bởi vì một niệm tạo ra tất cả. Vô cùng tận, là bởi vì chưa có thể đối trị cho nên không thể nào dừng lại, vốn có nhiều môn. Câu tiếp là khéo léo tiến vào Trí hiểu rõ, tự mình tiến vào mở bày chỉ rõ làm cho người khác tiến vào. Câu tiếp là tìm được lối vào có nhiều loại.

Kệ bảy-tám, cũng có thể biết.

Trong kệ chín: Câu đầu là được thấy Phật làm duyên. Hai câu tiếp là hai lợi ích được thấy Phật: 1- Chánh trí phát sinh chắc chắn là bên trong vượt lên trên nghiệp chướng; 2- Phật là người dẫn dắt chân thật, lẽ nào bên ngoài thuận theo duyên của ma? Đã không thuận theo ma thì lẽ nào tạo ra nghiệp ma? Mười ma đều lìa xa, cho nên dùng đến chữ Chư (những-các).

Kệ mười, cũng có thể biết.

Năm: Tam Thập Tam Thiên chúng:

Trong phần Trường hàng có mười một pháp:

Một: Nương theo uy lực cho nên nhớ nghĩ. Nghĩ đến Phật quá khứ, đã từng đi vào cõi trời này. Ba đời có hai: 1- Cũng nghĩ đến vị lai; 2- Quá khứ. Tự hưởng về với nhau cũng có ba đời. Sinh lòng hoan hỷ vô cùng, là bởi vì cảnh thù thắng, bởi vì mừng cho phước của mình.

Hai: Có thể khiến cho..., nhưng mà thân Phật không có nhiễm tịnh-lớn nhỏ, cũng không có hơn-kém; giống như hư không, mây ùn lên thì tối mịt, mặt trời hiện ra thì sáng tỏ, màu sắc tối mờ thì kém, vật cách xa nói là nhỏ. Nay bởi vì mây hư vọng không còn mà ánh sáng của Trí soi chiếu vốn thanh tịnh, tánh Không hiện rõ vốn rộng lớn, Diệu sắc hiển bày vốn không gì sánh được, đều là lực của giải thoát cho nên nói là có thể khiến cho.

Ba: Đại Từ không chọn lựa oán-thân, như áng mây vô tâm mà che phủ tất cả.

Bốn: Luôn luôn nhìn thấy..., Thế chủ giữa loài người hay trên cõi trời phần nhiều dựa vào uy đức, Phật xuất hiện vượt lên trên khiến cho tất cả nhìn thấy mà cung kính hoan hỷ.

Năm: Nhận biết về nhân quả sai biệt, khiến cho chúng sinh chịu khó tu tập, nhân quả đều đạt được gọi là phước.

Sáu: Khai thị..., là chỉ rõ Đức Phật điều phục chúng sinh, khiến cho Bồ-tát học theo.

Bảy: Trước là Thành-sau là Hoại, Trú thì chuyển biến, cho đến lỗ chân lông-quốc độ nhỏ bé, thấy đều nhận biết. Nói chuyển biến, là người phước đức xuất hiện ở thế gian thì châu ngọc quý báu hiện bày, người phước mỏng xuất hiện thì gai góc mọc đầy.

Tám: Nhớ nghĩ..., mảy lông trên thân Phật hiện rõ nhân của hạnh điều phục, chư Thiên ghi nhớ thì có thể suy nghĩ đầy đủ.

Chín: Tất cả các niềm vui lấy Phật làm nhân, bởi vì đầy đủ đức thù thắng, dựa vào niềm vui tăng thêm thù thắng mà nói đến chư Thiên vậy thôi.

Mười: Khai thị..., thiện căn được thọ sinh chính là lực của niệm Phật, mở bày rõ ràng khiến cho không mê hoặc, thì trừ bỏ phóng dật mà tiến lên tu tập.

Mười một: Nghi ngờ về mình, nghi ngờ về người, nghi ngờ về Lý, nghi ngờ về Sự, có rất nhiều loại khác nhau. Như nghe về Không thì nghi ngờ là Đoạn, nghe về Hữu thì nghi ngờ là Thường, nghe cả hai đều phải thì nghi ngờ là đủ cả hai phần, nghe cả hai đều không phải thì nghi ngờ là không có gì làm chứng cứ. Lại nghe về Không thì nghi ngờ là

Hữu, nghe về Hữu thì nghi ngờ là Không..., nghi ngờ lẫn nhau như vậy. Nay mở bày khiến cho tỏ ngộ.

Trong phần kệ cũng có mười một kệ:

Trong kệ một: Nói bình đẳng, bởi vì nghi thức giáo hóa giống nhau. Lại chỉ dùng số lượng thuộc văn tự của thế tục, cho nên nói có ba đời, chứ không nói là Như Lai có quá khứ-hiện tại-vị lai.

Trong kệ hai: Câu đầu là rộng lớn. Câu tiếp là không gì sánh được. Câu ba là thanh tịnh. Nhưng Cổ đức trình bày tổng quát có sáu nghĩa: 1- Rộng lớn là bởi vì toàn bộ pháp giới làm thân. 2- Khắp nơi và đầy đủ khắp nơi, bởi vì từ một mảy trần cho đến mười phương. 3- Sắc tuyệt diệu tức là Vô sắc, bởi vì Sắc là Vô sắc. 4- Thù thắng, bởi vì không có gì sánh được. 5- Bởi vì làm lợi ích cho chúng sinh không có bến bờ. 6- Bởi vì dùng ánh sáng mà phá tan bóng tối.

Trong kệ ba: Nửa kệ trước tức là vãng mây Từ, câu trước là quả to lớn, câu sau là nhân sâu xa, pháp của tất cả chư Phật dựa vào Từ Bi, Từ Bi lại dựa vào phương tiện để thiết lập, đều gọi là sâu rộng cho nên dùng đến chữ Hải. Câu tiếp tức là che phủ khắp nơi.

Kệ bốn-năm-sáu-bảy-tám và chín, văn đều có thể biết.

Trong kệ mười: Hai câu đầu tức là người ít công đức-ít thiện căn trước đây, dùng ít so với nhiều để làm sáng tỏ về nhân là thù thắng. Câu tiếp tức là thọ sinh vào chốn trời-người, cho nên lìa xa sợ hãi của ba nẻo ác.

Trong kệ mười một: Câu đầu tức là có thể mở bày về pháp, là Tịch diệt trí thông. Hai câu tiếp là bởi vì ứng với khắp nơi, cho nên nghi ngờ đều đoạn trừ.

Sáu: Nhật Thiên Tử:

Trong phần Trường hàng có mười một pháp, đã là Nhật Thiên thì phần nhiều phân rõ về lợi ích của ánh sáng.

Một: Tên gọi và pháp môn, đều là tổng quát. Nghĩa là ánh sáng thuộc về Trí-Thân của Phật, giống như mặt trời ấy vô tư mà soi chiếu, thì nói là ánh sáng thanh tịnh, đây là Thể của ánh sáng. Tiếp theo là phân rõ về Dụng của ánh sáng, sơ lược có bốn nghĩa: 1- Dựa theo tâm thì cao-thấp đều sáng tỏ như nhau, cho nên gọi là soi chiếu khắp nơi. 2- Dựa theo nơi chốn thì tận cùng mười phương pháp giới. 3- Dựa theo thời gian thì tận cùng vị lai. 4- Dựa theo công dụng thì luôn luôn không gián đoạn. Như vậy làm lợi ích tức là công dụng của Đại Trí.

Hai: Bởi vì tất cả..., chúng sinh vốn có trí của Phật, như dòng nước ngầm trong biển. Nay Phật bởi vì tùy theo các loại thân của chúng sinh,

thiết lập đủ loại phương tiện, chủ yếu thuộc về khai ngộ khiến cho chúng sinh chứng thực tiến vào.

Ba: Chúng sinh vì ái nhiễm mà trôi nổi không nơi nương tựa, công đức của Phật vô ngại mà ứng hiện làm Giáo chủ cho chúng sinh. Tùy theo tu tập dứt hết ái nhiễm, gọi là công đức thanh tịnh. Một hạnh phù hợp với Lý thì nói là vô biên, huống là tu tập đầy đủ hay sao?

Bốn: Tu tập tất cả..., dùng Trí dẫn dắt Bi, nhận chịu khổ đau vì chúng sinh, cho nên vô cùng hoan hỷ.

Năm: Thế lìa xa chướng ngại-phiền não, Dụng mà thành tựu thông suốt, cho nên nói là vô ngại. Hoặc là Thân hay là Trí đều có thể gọi là ánh sáng, rộng khắp mà không thiên lệch, cho nên nói là soi chiếu khắp nơi. Thân tâm sáng suốt nhanh nhạy thì tinh thần thêm thư thái. Kinh Đại Tập nói: “Quốc Vương bảo vệ giáo pháp, tăng trưởng ba loại tinh khí: 1- Tinh khí của đất, nghĩa là thóc lúa đậu mè tốt tươi được mùa. 2- Tinh khí của chúng sinh, nghĩa là hình dung tướng mạo đoan nghiêm, không có những dịch bệnh. 3- Tinh khí của pháp thiện, nghĩa là tu tập về Thí-Giới-Tín...” Nay văn chính là thuộc về loại thứ 3, tăng thêm về phước trí, nghĩa bao gồm hai loại trước, bởi vì pháp lực giúp đỡ từ xa.

Sáu: Ánh sáng thanh tịnh..., ánh sáng của Thân-Trí làm thanh tịnh thân-tâm chúng sinh, tin và hiểu sâu rộng thì vì sao mà không hoan hỷ?

Bảy: Ban ngày thì tâm chịu khó tu các nghiệp thiện.

Tám: Biển Đại Bi..., nghĩa là Vô duyên Đại Bi, an tọa dưới tán cây Bồ-đề, mà sinh ra nhiều vật báu khác lạ. Vật báu là Sắc tướng, nên nói là Sắc tướng quý báu tròn vẹn sáng ngời vốn đáng quý, bởi vì vật báu làm Thế, vật báu trang nghiêm mà đầy đủ trần số của mười Liên Hoa Tạng, cho nên nói là đủ loại. Dụng của mỗi một Sắc tướng rộng khắp pháp giới, gọi là hiện rõ vô biên cảnh giới. Như vậy đều sinh ra từ biển Đại Bi, bởi vì biển Bi hàm chứa tiếp nhận không chọn lựa người hiền-kẻ ngu.

Chín: Trí tuệ trừ bỏ màng ngăn của si mê, thì pháp nhãn được trong sáng, trong sáng nhìn thấy pháp giới, pháp giới tức là Tạng, Tạng như trước đã nói.

Mười: Phát sinh..., nghĩa là ở nơi trú xứ của Phật mà phát sinh tâm thanh tịnh, đã từng một lần cúng dường có thể làm cho phước ấy nối tiếp đến Bồ-đề, như phẩm Xuất Hiện nói Dụ về ăn Kim Cang, huống là nối tiếp nhau hay sao?

Mười một: Khiến cho chúng sinh tích chứa sản nghiệp, không có

gì vượt qua ánh sáng của mặt trời; khiến cho người tiến vào đức thì lẽ nào vượt qua ý nghĩa của giáo pháp?

Trong phần kệ cũng có mười một kệ:

Trong kệ một: Nửa kệ trước là ánh sáng thanh tịnh soi chiếu khắp nơi, nửa kệ sau là luôn luôn làm lợi ích mà diệt trừ điều ác-phát sinh điều thiện, phá bỏ ngu muội trở thành trí tuệ..., là nhiều phương tiện.

Kệ hai-ba có thể biết.

Trong kệ bốn: Nửa kệ trước tức là tất cả khổ hạnh. Điều này có bốn khó khăn: 1- Quên mình làm lợi ích cho thế gian là khó; 2- Hành tướng chỉ có khổ đau là khó; 3- Nơi chốn trải qua các cõi là khó; 4- Thời kiếp vô lượng là khó. Ở đây thực hành đầy đủ, cho nên nói là tất cả. Câu tiếp là trình bày về tâm hết sức hoan hỷ, cũng có bốn nghĩa: 1- Vì chúng sinh mà thực hành khổ hạnh, bởi vì đầy đủ Bốn nguyện, nghĩa thuộc về câu thứ nhất; 2- Trí soi chiếu tánh của khổ, bởi vì vốn là rỗng rang vắng lặng, tức là ánh sáng soi chiếu hư không; 3- Khắp nơi thanh tịnh không có gì cấu nhiễm, bởi vì không xen tạp độc tố, tức là khắp nơi thanh tịnh như hư không; 4- Mình và người có quả, bởi vì không phải không có lợi ích, tức là toàn bộ câu thứ ba.

Kệ năm-sáu có thể biết. Nghĩa về lưới giăng ánh sáng như ở phẩm Hiền Thủ.

Trong kệ bảy: Tổng quát trình bày nêu ra yếu kém hiển bày thù thắng, để phân rõ về khó mà suy nghĩ, vì vậy có thể thành tựu các công đức vi diệu. Nói thế gian không sánh kịp, thế gian tuy nhiều ánh sáng làm lợi ích mà không phải là trọn vẹn, ánh sáng của Phật tuy ít nhưng chắc chắn xuyên suốt nguồn cội chân thật, không thể cùng tận, cho nên dùng một so sánh với nhiều.

Kệ tám-chín và mười, vẫn đều có thể biết.

Trong kệ mười một: Câu đầu tức là có thể soi chiếu pháp môn, giống như ngàn ánh sáng của một mặt trời cùng soi chiếu, hễ nêu ra một pháp thì có vô lượng môn. Nhưng có hai nghĩa: 1- Dựa theo Tướng, giống như một môn Vô thường, có sinh-lão-bệnh-tử, tụ-tán-hợp-ly, đấcthấthành-hoại, ba tai-bốn tướng, ngoại khí-nội thân, sát-na một kỳ, sinh-diệt chuyển biến, nhiễm-tịnh ẩn hiện, đều là môn Vô thường; còn lại cũng như vậy. 2- Dựa vào Tánh thì dung hòa không thể cùng tận. Hai câu tiếp là nghĩa về vận dụng soi chiếu khắp nơi, một mặt trời vòng quanh bầu trời thì ngày ngày vô tận, một môn trải qua sự việc thì kiếp kiếp khó cùng. Phương tiện thì nhiều môn, nhưng cuối cùng chỉ là một pháp cao nhất. Quảng là Vô biên, Đại là Vô thượng.

Bảy: Nguyệt Thiên Tử:

Trong phần Trường hàng có mười pháp:

Một: Tên gọi và pháp môn cũng là tổng quát, nghĩa là ánh sáng có hai loại khác nhau về Thân-Trí, pháp giới cũng hai loại sai khác về Sự-Lý. Sự tức là thân-tâm của căn cơ và quốc độ nương tựa, ánh sáng của Thân soi chiếu thân khiến cho giác ngộ-soi chiếu quốc độ khiến cho thanh tịnh, ánh sáng của Trí soi chiếu tâm phá tan ngu si-soi chiếu lý khiến cho hiển bày. Ánh sáng của Thân-Trí ngay trong nhau, thì bốn pháp đã soi chiếu cũng dung hòa, vì vậy gọi là Phổ, cùng trừ diệt chướng ngại-phiền não, cùng có được tên gọi thanh tịnh.

Hai: Quán sát..., tâm Bi quán sát khắp nơi, đem nhiều pháp mà trao truyền, khiến cho tiến vào pháp giới vô biên.

Ba: Tạng thức của chúng sinh đều gọi là biển tâm, bảy Chuyển thức trước gọi là dựa vào duyên mà chuyển, chuyển nghĩa là Chuyển sinh, cũng là Lưu chuyển. Duyên vào cảnh không phải một, cho nên thiết lập đủ loại tên gọi. Vì vậy kinh nói:

*“Biển Tạng thức luôn luôn tồn tại,
Gió cảnh giới làm cho dấy động,
Đủ loại sóng nước của các Thức,
Cuồn cuộn vọt lên mà chuyển sinh.”*

Dụ nói: Sóng lớn cuộn nước biển mịt mù, không có lúc nào ngừng hẳn được. Đã nhận biết căn cơ khác nhau, thì tùy theo thích hợp mà trao cho pháp.

Bốn: Cùng với tất cả chúng sinh..., nghĩa là nêu ra niềm vui của Thánh nhân và chúng sinh, khiến cho đạt được Địa thứ nhất. Niềm vui vốn có này, nhiễm mà không nhiễm, là không thể nghĩ bàn.

Năm: Nghĩa là dùng tâm Bồ-đề làm nhà, Tự lợi-Lợi tha để làm sự nghiệp, đều dùng thân-miệng làm trâu, Trí sắc bén làm cái cày, cày xới mặt đất của tâm, gieo hạt giống huân tập từ pháp đã nghe, sinh ra mầm của Tín-Giải, mọc lên thân cây của Chánh hạnh, nở rộ các đóa hoa của Giác ngộ, thu được quả của Bồ-đề. Tự lợi là bởi vì thường xuyên giữ gìn không phóng túng, Lợi tha là bởi vì giữ gìn Đại nguyện có thể giáo hóa, không để cho ma phiền não và chim thú xâm phạm, từ nhân đến quả được thành tựu.

Sáu: Từ Bi..., nghĩa là Từ bảo vệ niềm vui hiện tại, Bi cứu giúp nỗi khổ hiện tại, làm cho thấy rõ nhân quả mà đoạn ác-tu thiện, gọi là sự cứu giúp che chở đích thực.

Bảy: Dùng làn gió nơi Trí của Phật duy trì vầng trăng Đại Bi, kh-

iến cho nhìn thấy rõ ràng Chánh giác mà lìa xa đau khổ đạt được giải thoát.

Tám: Khai thị..., tất cả các pháp có hai loại: 1- Thụ động mê muội, nghĩa là duyên khởi không thật vốn như huyễn ảo, duyên hợp mà thành vốn không có tánh. 2- Chủ động mê muội, nghĩa là Biến kế không có vật gì vốn như hư không, vọng chấp vốn không có tướng. Lại pháp duyên khởi có hai nghĩa: 1- Không có tướng như hư không, bởi vì tất cả không hề có gì, là tướng Không. 2- Không có tự tánh như huyễn ảo, bởi vì nghiệp quả luôn luôn không mất đi, tức là tánh Không. Hai loại này không hai, làm thành một duyên khởi, vì thế cho nên hai Dụ cùng hiển bày về một pháp. Chủ động-thụ động đã không mê muội thì hiểu rõ Chân Như, thành tựu ngọn lửa của Chánh Trí.

Chín: Bi nguyện vì chúng sinh mà hiện bày hình hài đầy đủ tướng tốt, là Đại nghiệp.

Mười: Đoạn trừ tất cả..., ánh sáng nơi mảy lông thuyết giảng tất cả thì nghi ngờ nào mà không đoạn trừ?

Trong phần kệ cũng có mười kệ:

Kệ một-hai có thể biết.

Trong kệ ba: Câu đầu tức là biến tâm dựa vào duyên mà chuyển, nếu dùng tám Thức sinh diệt, thì Thức thứ tám ấy cũng gọi là chuyển. Bởi vì luôn luôn chuyển, cho nên nói là niệm niệm khác nhau. Luôn luôn cho nên không Đoạn, chuyển biến cho nên không phải Thường. Mới tiếp nối mới mà sinh ra, niệm nối tiếp niệm mà diệt đi. Niệm niệm khác nhau cho nên Thể luôn luôn không ngay nơi ấy, Như Lai Tạng ấy công đức luôn luôn đầy đủ, nghĩa cũng không tách lìa. Như thác nước ấy, tách lìa nước thì không có dòng chảy, tách lìa dòng chảy thì không có nước. Lại như sóng lớn của biển bởi vì có chìm nổi, cho nên nuôi sống nhiều loài vật. Pháp hợp lại có thể suy nghĩ. Câu tiếp là trình bày về nhận biết rõ ràng, nghĩa là Thức này sâu xa vi tế, cho nên chỉ có Trí của Phật nhận biết. Câu tiếp là chỉ rõ về tánh của biến tâm, tức là Trí của Phật không thể nào mong cầu bên ngoài, hợp với căn cơ cho nên hoan hỷ.

Trong kệ bốn: Hai câu đầu trình bày về mất đi niềm vui của Thánh nhân, tức là Niết-bàn thuộc Thánh trí, xưa có mà nay không có, cho nên chìm đắm trong nỗi khổ của mê vọng. Câu tiếp là trình bày và chỉ rõ về tánh ấy, có niềm vui không phải ở ngoài nỗi khổ, gọi là không thể nghĩ bàn; thấy tánh đạt được niềm vui, tánh tức là Môn.

Trong kệ năm: Chỉ là Pháp thuyết, Như Lai tức là Chủ ruộng, Bi

cày cấy thửa ruộng của chúng sinh, vì lợi ích tiến vào có, là sự nghiệp đã làm; vì lợi ích giống như mong cầu quả, tiến vào có tựa như cày cấy, thuyết pháp tức là gieo hạt, khuyên dạy điều thiện chính là giữ gìn để cho chín muồi, có thể biết.

Trong kệ sáu: Trước là Bi cứu giúp che chở, nói về tâm vốn có; ở đây trình bày về ánh sáng của Trí, làm sáng tỏ về Dụng của tâm ấy. Bi-Trí dẫn dắt nhau có thể cứu giúp đích thực.

Trong kệ bảy: Câu đầu, Phật là chỗ dựa của phước đức, trăng là nguồn gốc của mát mẻ. Câu tiếp nên nói là gió lớn duy trì cung điện, nay nói như vậy tức là chuyển sang ví dụ, mặt đất như Phật, cung điện như phước. Câu tiếp tức là nghĩa về soi chiếu hiện bày, cũng là nghĩa về trong mát.

Trong kệ tám, có thể biết.

Trong kệ chín: Câu đầu, Phật như hư không, là tánh của Đại nghiệp. Câu tiếp là Thể của Đại nghiệp, bởi vì không lợi ích cho chúng sinh thì không phải Đại nghiệp. Câu tiếp là Tướng của Đại nghiệp, dựa vào ánh sáng mà có hình ảnh có thể biết rõ động-tĩnh, dựa vào gương soi mà có cảnh tượng có thể phân rõ đẹp-xấu. Nhưng hình ảnh-cảnh tượng ấy không có tánh-tướng của mình, tướng tốt của Như Lai nên biết cũng như vậy.

Kệ mười, cũng có thể biết. Phần Thiên chúng, xong.

